CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU

MATERIALS – PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY

(COMECO)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP.HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 8984
Ngày: 20/03/14
Chuyển: NV
Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2013

(01/01/2013 – 31/12/2013)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2014

(Bìa 3)

CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ COMECO

1. Nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; Bảo vệ sức khỏe - Giữ gìn môi trường - Hòa hợp cộng đồng; Xây dựng Văn hóa COMECO với phương châm:

"COMECO *vì khách hàng phục vụ*"

2. Đa dạng hóa ngành hàng (trục chính là xăng dầu), trên tinh thần sáng tạo, linh hoạt, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực và hệ thống thông tin.

3. Xây dựng và phát triển COMECO trở thành:

"Thương hiệu của chất lượng dịch vụ"

Chính sách này đảm bảo người lao động COMECO thấu hiểu, thực hiện trên tinh thần tuân thủ pháp luật.

CHỮ VIẾT TẮT

- Công ty	**: Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu**
- ĐHĐCĐ	**: Đại Hội Đồng Cổ Đông**
- HĐQT	**: Hội đồng Quản trị**
- BKS	**: Ban Kiểm soát**
- TGĐ	**: Tổng Giám đốc**
- CBCNV	**: Cán bộ, công nhân viên**
- NLĐ	**: Người lao động**
- VĐL	**: Vốn điều lệ**
- CNXD	**: Chi nhánh xăng dầu COMECO**
- LNST	**: Lợi nhuận sau thuế**
- GTVT	**: Giao thông Vận tải**
- HTQTCLTD	**: Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện**
- VP	**: Văn phòng**
- CP	**: Cổ phiếu**

(Bìa 2)

GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA COMECO

- **HOÀI BÃO :**

  COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ.

- **TẦM NHÌN :**

  Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam

  (trục chính là xăng dầu)

- **SỨ MỆNH :**

  Đổi mới phong cách phục vụ trong lĩnh vực hóa dầu.

- **BẢN SẮC VĂN HÓA :**

  Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống.

- **SLOGAN :**

  COMECO *vì khách hàng phục vụ.*

- **LOGO :**

- Giọt dầu làm biểu tượng;
- Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;
- COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) mời gọi mọi người;
- COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tấm lòng rộng mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;
- Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững.

- **TRIẾT LÝ KINH DOANH :**

  Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung.

- **THÁI ĐỘ VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC :**

  Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win.

- **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC :**

  Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả.

- **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỒNG NGHIỆP :**

  Tôn trọng - Công bằng - Chia sẻ.

- **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ :**

  Tin cậy - Công khai - Minh bạch.

- **THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI :**

  Bảo vệ sức khỏe - Gìn giữ môi trường - Hòa hợp cộng đồng.

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	Mục lục	*1*
	Thông điệp của Ban lãnh đạo COMECO	*2*
Phần 1	**THÔNG TIN CHUNG**	**4**
I.	Thông tin khái quát về COMECO	4
II.	Quá trình hình thành và phát triển	6
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	10
V.	Định hướng phát triển đến năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2020	12
VI.	Các rủi ro	18
Phần 2	**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013**	**20**
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013	20
II.	Tổ chức nhân sự	21
III.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	24
IV.	Tình hình tài chính	26
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	28
Phần 3	**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**	**35**
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	35
II.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	36
III.	Kế hoạch phát triển năm 2014	37
IV.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	38
Phần 4	**ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	**40**
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	40
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGĐ, các cán bộ quản lý của Công ty	40
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	41
Phần 5	**QUẢN TRỊ CÔNG TY**	**43**
I.	HĐQT	43
II.	Ban Kiểm soát	47
III.	Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGĐ	50
IV.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ và BKS	50
Phần 6	**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**	**55**
	Hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO	**83**
	Hệ thống Đại lý xăng dầu của COMECO	**84**

THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác, Nhà đầu tư
cùng toàn thể CBCNV Cty Cp Vật tư – Xăng dầu (COMECO)

Kính thưa quý vị!

Trước tiên, thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty tôi xin gửi đến Quý vị lời chào, lời cảm ơn chân thành nhất về sự ủng hộ và hợp tác trong suốt thời gian qua.

Năm 2013 đã trôi qua với nhiều biến động lớn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, thể hiện nhiều gam màu tối, sáng khác nhau. Đây cũng là năm có nhiều khó khăn, đầy thách thức với ngành kinh doanh xăng dầu trong nước do sự biến động liên tục về giá, đặc biệt mức thù lao giảm mạnh trong những tháng đầu năm 2013. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu kéo dài, nhiều doanh nghiệp trong nước phải thu hẹp hoạt động, thậm chí phá sản; sức cầu giảm mạnh; các thị trường bất động sản, chứng khoán,… giảm mạnh. Tất cả đã tác động trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chung khó khăn như vậy, với sự đồng hành, ủng hộ, đóng góp rất lớn của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và sự quyết tâm, đồng thuận của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty COMECO đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng năm 2013, tạo được sự ổn định và phát triển Công ty cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Tôi xin vui mừng thông báo đến Quý vị những kết quả đã đạt được trong năm 2013 như sau:

Doanh thu của Công ty: **5.230,732** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: **25,5** tỷ đồng, lần lượt đạt **103% và 102%** so với kế hoạch năm 2013. Đồng thời, trong năm 2013, Công ty đã đưa vào hoạt động thêm 2 Chi nhánh xăng dầu mới. Bên cạnh đó, Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc phát triển mảng kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, hợp tác kinh doanh các mặt bằng, kho bãi góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Công ty như: đã khai thác được **100%** công suất của Tòa nhà COMECO,....

Ngoài ra, Công ty cũng không quên trách nhiệm của mình đối với xã hội và cộng đồng. Năm 2013, COMECO đã đóng góp **421,61 triệu đồng** để xây nhà tình nghĩa đồng đội và tặng quà cho các gia đình chính sách, đồng bào nghèo, đóng góp quỹ "Vì Trường Sa thân yêu",…

Kính thưa quý vị!

Năm 2014 được nhận định là năm mà nền kinh tế sẽ còn nhiều khó khăn, mặc dù có tăng trưởng nhưng với tốc độ chậm. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực quyết tâm cao của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, Công ty đã mạnh dạn đặt ra chỉ tiêu cho năm 2014 cao hơn năm 2013 như: doanh thu: **5.500 tỷ đồng** (105,15% so với thực hiện năm 2013) và lợi nhuận sau thuế: **28 tỷ đồng** (109,67% so với thực hiện năm 2013).

Tôi luôn tin tưởng vững chắc rằng với sự hỗ trợ quý báu của Quý vị cùng với lợi thế trên 38 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, cũng như những thành quả mà Công ty đã gặt hái được trong những năm qua cộng với sự nỗ lực quyết tâm của Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty, năm 2014 sẽ tiếp tục là một năm phát triển thành công của COMECO.

Một lần nữa, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể Quý vị đã và đang đồng hành, chia sẻ và sát cánh cùng chúng tôi làm nên những thành công cho COMECO hôm nay. Chúng tôi cam kết sẽ toàn tâm, toàn lực phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và hiệu quả ngày càng cao hơn trong những năm tiếp theo, đồng thời đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, cổ đông, đối tác và đảm bảo được ổn định công ăn việc làm, thu nhập cho NLĐ.

Cuối cùng, xin chúc Quý vị và Gia đình nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU

Trương Đức Hạnh

Phần I
THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
(COMECO)
MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY

1. Địa chỉ văn phòng	: 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.HCM
2. Địa chỉ văn phòng cũ	: 11 Cao Bá Nhạ, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM
3. Điện thoại	: (84-8) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222
4. Fax	: (84-8) 38 325 555
5. Email	: comecopetro@hcm.vnn.vn
6. Website	: http://www.comeco.com.vn; www.comeco.vn
7. Giấy CNĐKKD số	: 0300450673, cấp ngày 13-12-2000
8. Tên cũ (DNNN)	: Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO)
9. Vốn điều lệ	: 141.206.280.000 đồng
10. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 141.206.280.000 đồng
11. Mã Chứng khoán	: COM
12. Ngày niêm yết trên Hose	: 07-8-2006
13. Ngày thành lập	: 13-12-1975
14. Thời điểm cổ phần hóa	: 13-12-2000
15. Thương hiệu COMECO	: Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993.

Giới thiệu danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát :

(Hình chụp chung – Nếu có)

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập : 13-12-1975.

2. Thời điểm niêm yết : 07-08-2006

3. Quá trình hình thành Công ty :

Qua hơn 38 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau :

- **Phòng Quản lý Xăng dầu** : **Sau 30/4/1975**, Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

- **Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu** : **Từ 08/1977 đến 12/1978**

  (trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Xí nghiệp Cung ứng Vật tư** : **Từ 12/1978 đến 12/1981**

  (trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu** : **Từ 12/1981 đến 10/1992**

  (trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Công ty Vật tư Thiết bị GTVT (COMECO):Từ 10/1992 đến 12/2000**

  (trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

- **Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)** : **Từ 12/2000 đến nay**

+ COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp.HCM từ tháng 01/2001 đến tháng 09/2004.

+ Ngày 15/7/2004 Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động thao mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở là thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là : 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), ngoài ra SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng)

+ Từ tháng 3/2010 COMECO được chuyển về Văn phòng Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh. Vốn Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ Tổng công ty SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 1.678.670 cp com (chiếm 20,98%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược.

4. Những cột mốc quan trọng của COMECO :

- **Ngày 28/4/2012 :** ĐHĐCĐ thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và qua nhiệm kỳ mới hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu 4.281.950 cp (30,32%/VĐL) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro) sở hữu 3.750.200 cp (26,56%/VĐL) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGĐ. Theo đó Bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV, Ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012.

- **Ngày 25/12/2011:** COMECO được Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng Sản Việt Nam, các Bộ ngành liên quan tuyên dương sản phẩm, dịch vụ của COMECO nằm trong Top "100 Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011" (8.879 lượt người bình chọn)

- **Ngày 02/4/2011 : Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO** tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- **Ngày 13/12/2010 :** Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề **: "35 năm -Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công"**.

- **Tháng 8/2010** : **Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO** tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

- **Tháng 12/2009** : Nhận 2 Giấy chứng nhận : **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004** và **Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007** do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.

- **Tháng 10/2009** : Nhận Giải thưởng **Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương** do tổ chức Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (APQO) tặng tại Mexico.

- **Tháng 08/2008** : Ban hành **Giá Trị Cốt Lõi** của COMECO gồm 12 thành tố.

- **Tháng 12/2007** : Nhận **Giấy chứng nhận 5S** do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.

- **Tháng 10/2007** : Phát hành thêm 4.599.917 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 34 tỷ đồng lên **79,99 tỷ đồng**, thặng dư 151 tỷ đồng.

- **Tháng 10/2004** : Nhận Giấy chứng nhận **Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000** do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.

- **Tháng 12/2000** : **Cổ phần hóa** theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- **Tháng 07/1988** : COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho phép **mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ** phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Quá trình tăng vốn điều lệ :

Đơn vị tính : Triệu đồng

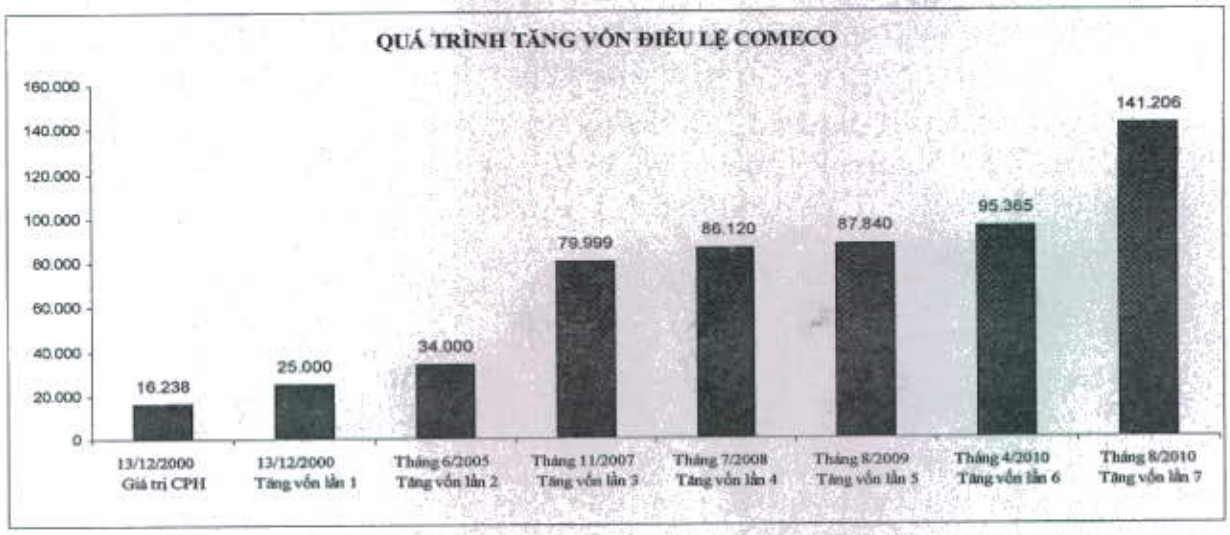

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật : gồm các nội dung chính sau :

- Cơ sở vật chất của Công ty có nhiều nhà, xưởng, kho bãi với tổng diện tích đất là: 269.070 m^2 (trong đó, bao gồm 20 ha đất của Dự án Tổng kho Xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai).
- 37 chi nhánh xăng dầu (cửa hàng xăng dầu).
- Đội xe bồn gồm 23 chiếc : + 11 xe hiệu Kamaz, dung tích 12.000 lít.
  + 05 xe hiệu Hino, dung tích 16.000 lít.
  + 07 xe hiệu Kamaz, dung tích 17.000 lít.
- Xưởng lắp ráp trụ bơm điện tử COMECO với 160 trụ bơm đang hoạt động trong hệ thống CNXD COMECO.
- Xưởng sửa chữa xe.
- Tòa nhà văn phòng COMECO (10 tầng, diện tích sử dụng : 4.489 m^2) tại 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.HCM.

7. Thành tích đạt được trong những năm qua :

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2013	**Xếp hạng 179** trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Giải thưởng **Báo cáo thường niên tốt nhất** năm 2012 (xếp hạng 20)	Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa hoa & Công nghệ
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2012 – 2013	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2012	**Xếp hạng 147** trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 686/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Giải thưởng **Báo cáo thường niên tốt nhất** năm 2011	Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
2011	**Bằng khen** của Công đoàn Viên chức Việt	Công đoàn Viên chức VN

	Nam	
	Được tuyên dương **Top 100 "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011"**	Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng CSVN và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là Đảng bộ tiêu biểu xuất sắc trong Chương trình tôn vinh lần thứ I năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng **Báo cáo thường niên tốt nhất** năm 2010	Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM
2010	Giải thưởng **Báo cáo thường niên tốt nhất** năm 2009	Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM
	Đảng bộ COMECO được tặng **Cờ** cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy TP Hồ Chí Minh
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về "Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc"	Ủy ban nhân dân Thành phố
	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
2009	Giải thưởng **Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương**	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
	Giải thưởng **Doanh nghiệp hội nhập và phát triển**	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tín dụng – Ngân hàng NN VN
2008	**Huân chương Độc lập** hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng **Doanh nghiệp phát triển bền vững** lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải **Vàng Chất lượng VN**	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng **Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng**	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng **Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ** (BUTEC)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	**Huân chương Lao động** hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	**Huân chương Lao động** hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	**Huân chương Lao động** hạng ba	Hội đồng Nhà nước

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các phong trào văn thể mỹ để nâng cao đời sống tinh thần cho NLĐ và đã đạt được các

thứ hạng cao trong các hội thi như : Karaoke, Bóng đá, Tennis, Cầu lông, Bóng bàn, trò chơi vận động,….

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh chính :

1.1. Kinh doanh xăng, dầu, nhớt chiếm: **99,63%** doanh thu toàn Cty năm 2013.

1.2. Cho thuê văn phòng, kho bãi chiếm: **0,30%** doanh thu toàn Cy năm 2013.

1.3. Kinh doanh khác chiếm: **0,07%** doanh thu toàn Cty năm 2013.

Gồm : - Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng và vật tư, phương tiện GTVT.

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Dịch vụ rửa xe.
- Xây dựng nhà các loại.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Kinh doanh bất động sản.

2. Địa bàn kinh doanh : Thành phố Hồ Chí Minh (chủ yếu) và một số tỉnh lân cận : Long An, Bình Dương, Đồng Nai, Bến Tre, Lâm Đồng.

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và nguyên tắc hoạt động :

- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị, điều hành Công ty.

- Điều hành hoạt động của Công ty là Ban điều hành, trong đó đứng đầu là TGĐ do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty :

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

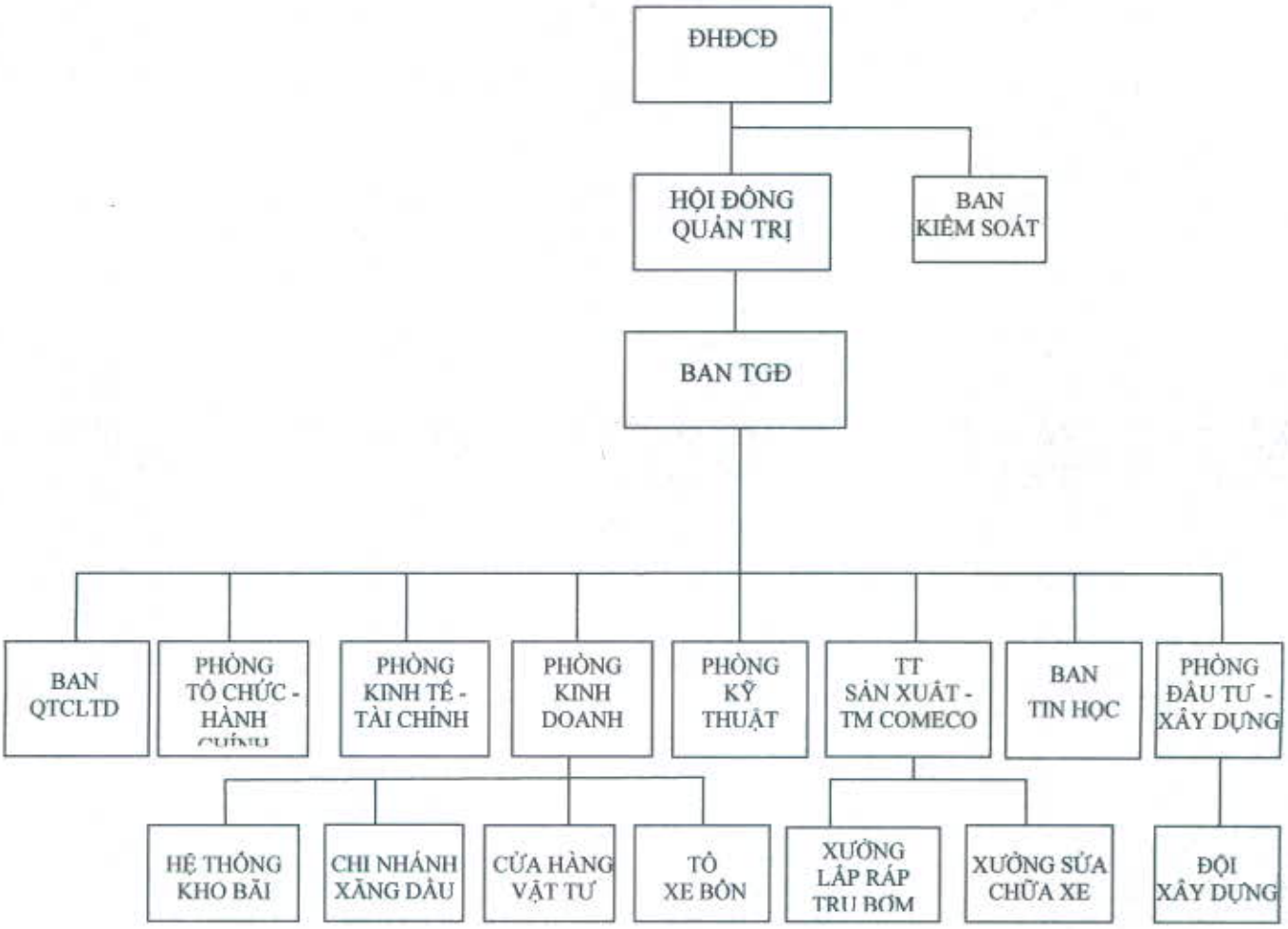

3. Các Công ty con, Công ty liên kết : không có

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2016 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020

1. Phân tích môi trường kinh doanh : SWOT

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
1. COMECO có cơ sở vật chất kỹ thuật khá tốt với quỹ đất **269.070** m^2, tọa lạc ở những vị trí thuận lợi cho việc phát triển SXKD. Trong đó, có 37 Chi nhánh bán lẻ xăng dầu rộng khắp trên Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. 2. Thương hiệu COMECO được định vị trên thương trường và cũng là thương hiệu mạnh trong ngành kinh doanh bán lẻ xăng dầu. COMECO hiện đang đứng thứ 2 trong kinh doanh phân phối bán lẻ xăng dầu tại thị trường TP.HCM sau Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). 3. Mức tăng trưởng ổn định và khá cao, bình quân 17,05%/năm (2001-2013). 4. Đội ngũ CBCNV nhiệt tình, năng động và giàu kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. 5. Chuẩn mực quản lý kinh doanh ngày càng hoàn thiện theo tiêu chí của các hệ thống quản lý tiên tiến trên thế giới; Văn hóa COMECO ngày càng phát triển; môi trường làm việc ngày càng tốt hơn. Khách hàng tin tưởng về chất lượng dịch vụ.	1. Nguồn cung cấp, khả năng dự trữ hàng hóa chưa chủ động, chưa có Tổng kho XD. 2. Đầu tư nhân lực chưa theo kịp tốc độ phát triển của COMECO. 3. Công tác cập nhật và xử lý thông tin đôi khi còn chậm 4. Công tác Marketing còn yếu.
CƠ HỘI (O)	**NGUY CƠ (T)**
1. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương hiện nay và trong tương lai là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao. 2. Tình hình chính trị trong nước ổn định; tốc độ tăng của ngành dầu khí trong nước khá cao. 3. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. 4. Hệ thống CNXD COMECO phát triển ổn định. 5. Ngành hàng xăng dầu vẫn chưa mở cửa cho Công ty nước ngoài vào kinh doanh trong tương lai gần.	1. Giá xăng dầu thế giới biến động liên tục và không ổn định, vốn cho kinh doanh tăng. 2. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. 3. Hạn chế phát triển cửa hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty phải điều chỉnh lại theo quy hoạch hoặc di dời. 4. Các sản phẩm thay thế xăng dầu (gas, LPG) ngày càng được phát triển. 5. Các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu, tình hình cạnh tranh sẽ ngày càng quyết liệt.

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4) + (O1, O2, O3, O4, O5) → **Chiến lược tăng trưởng tập trung**

(S1, S2, S5) + (O1, O2, O3, O4) → **Chiến lược hội nhập**

PHỐI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1) + (O3, O4, O5) → **Chiến lược tăng trưởng**

(W1,W2,W3) + (O3) → **Chiến lược hệ thống QTCLTD**

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, thách thức

(S1, S2, S4,S5) + (T1, T3, T4) → **Chiến lược đa dạng hóa SP**

(S1, S2,S4) + (T2,T4,T5) → **Chiến lược phát triển SP mới**

PHỐI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W2, W3) + (T4, T5) → **Chiến lược đầu tư**

(W2, W3,W4) + (T2, T4) → **Chiến lược nguồn nhân lực**

(W3,W4) + (T1,T4) → **Chiến lược Marketing**

Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau :

2. Định hướng phát triển đến năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2020 :

2.1. Mục tiêu tổng quát :

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2020 : Tiếp tục phát triển ngành kinh doanh mũi nhọn xăng dầu, đồng thời thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh xoay quanh trục chính là kinh doanh xăng dầu; phát triển nguồn nhân lực; phát triển Văn hóa, Thương hiệu COMECO; phấn đấu đưa COMECO trở thành :"**COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ** và **Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam** (trục chính là xăng dầu)". Đồng thời bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Cổ đông, Người lao động; thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng.

2.2. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2016 :

- Tập trung sức và lực cho mảng kinh doanh xăng dầu; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm tối thiểu 10%/năm.
- Đầu tư phát triển CNXD mới.
- Phát triển hệ thống đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Đầu tư thiết bị và quy trình công nghệ để chuẩn bị cho việc triển khai kinh doanh nhiên liệu sạch.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, khai thác tối đa quỹ đất để phát triển sản xuất kinh doanh. Khai thác hiệu quả các mặt bằng, gia tăng tiện ích trong các mặt bằng kinh doanh xăng dầu.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo việc làm và đời sống cho CBCNV.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Duy trì và cải tiến HTQLCLTD : ISO 9001:2008; ISO 14001:2004; OHSAS 18001:2007; 5S và 7 tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Châu Á Thái Bình Dương. Bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khỏe công đồng.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường; đồng thời để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và một số giải pháp :

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TẬP TRUNG	Nâng cao chất lượng dịch vụ	- Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu thị trường. - Đảm bảo chất lượng, số lượng xăng dầu cung cấp theo quy định. - Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng. - Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. Đẩy mạnh bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm. - Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, thể hiện sự

		thân thiện, nói lời "cảm ơn" sau khi bán hàng. - Phát triển hợp tác, liên doanh khai thác kinh doanh kho bãi.
	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cở sở hạ tầng	- Tiếp tục tìm kiếm mặt bằng để mở CNXD mới dưới nhiều hình thức như: mua, thuê đất xây dựng CNXD; mua hoặc thuê CNXD có sẵn, hợp tác kinh doanh CNXD. - Phát triển hệ thống đại lý; hợp tác kinh doanh.
	Bảo toàn và phát triển nguồn vốn	- Huy động vốn hiệu quả. - Quản lý tốt tài chính, công nợ.
CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác kinh doanh	- Chọn đối tác có năng lực, kinh nghiệm để hợp tác, liên kết phát triển kinh doanh, đầu tư vào một số lĩnh vực liên quan đến sản phẩm hóa dầu như : Dầu nhờn, hóa chất, gas, nhựa đường, …bên cạnh xăng dầu. - Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
	Marketing để phát triển thị trường	- Mở rộng thị trường bán si và bán lẻ xăng dầu tại thành phố, các tỉnh lân cận. - Tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng để giữ khách hàng.
CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI	Phát triển giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	- Duy trì tốt dịch vụ cung cấp dầu nhờn, rửa xe, thay nhớt, sửa chữa trạm xăng, trụ bơm,... - Phát triển và quản lý hiệu quả việc kinh doanh phiếu nhiên liệu, đẩy mạnh phát triển thanh toán qua thẻ.
	Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng	- Từng bước đầu tư máy móc, trang bị công nghệ cao để tăng cường công tác quản lý và phục vụ cho sản xuất kinh doanh. - Đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ. - Nghiên cứu sử dụng trụ bơm với các hình thức đa dạng hơn cho thích hợp với từng loại hình CNXD.
CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	- Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, người lao động và các bên có liên quan.
	Lao động và tiền lương	- Thực hiện đầy đủ và có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ CBCNV. - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương

		thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
CHIẾN LƯỢC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, OHSAS, 5S và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương	- Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	- Đối với khách hàng : Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đầu tư hỗ trợ khách hàng. - Nhà cung ứng : có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO. - Cổ đông : Vốn được bảo toàn và phát triển. - Người lao động : có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe. - Cộng đồng dân cư, xã hội : Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, điều kiện về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội…

4. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng, CBCNV của Công ty:

4.1. Bảo vệ môi trường :

Một trong mười hai nội dung giá trị cốt lõi của COMECO là tiêu chí "Thái độ đối với cộng đồng xã hội". Nội dung của tiêu chí này là : "Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng". Giá trị này được xuất phát từ cái tâm của các nhà quản trị và CBCNV Công ty hướng đến sự an toàn và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện :

- Đường ống xăng dầu của COMECO được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn an toàn, có bể thu gom chất thải xăng dầu trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố.

- Các CNXD của Công ty đều có trồng cây xanh góp phần thực hiện phong trào "**Cửa hàng Xăng dầu COMECO : Xanh hơn – Đẹp hơn**" do Công ty phát động từ những năm trước, đồng thời góp phần giảm bớt lượng khí phát thải ra môi trường.

- Tất cả các CNXD của COMECO đều được kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của Sở Tài Nguyên Môi Trường Tp.HCM.

- Hàng năm đều được Phân viện Bảo hộ Lao động phía Nam đo kiểm tra môi trường, kết quả các tiêu chí đều nằm trong giới hạn cho phép.

- COMECO có thủ tục về quản lý môi trường và ứng phó với các tình trạng khẩn cấp. Định kỳ hoặc đột xuất có kiểm tra đánh giá nội bộ. Hàng năm có sự đánh giá giám sát đối với **Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001 : 2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001 : 2007** của tổ chức chứng nhận Bureau Veritas Certification (Vương quốc Anh) cho thấy hệ thống hoạt động tốt, thường xuyên được duy trì và được cấp giấy chứng nhận.

- Bên cạnh đó, nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) đã hưởng ứng **Giờ trái đất**, tắt bớt các thiết bị chiếu sáng, quảng cáo, sử dụng dần các thiết bị ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Qua đó CBCNV Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

4.2. Trách nhiệm đối với CBCNV (NLĐ) :

- COMECO luôn xem NLĐ là vốn quý nên NLĐ ngoài việc được hưởng đầy đủ các chế độ về lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước; Công ty còn có những đãi ngộ riêng theo Thỏa ước Lao động Tập thể; môi trường và điều kiện làm việc luôn được an toàn.

- Các chế độ đối với NLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về lao động và tiền lương. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLĐ như : Quy định đón tiếp nhân viên mới, Quy định trợ cấp thêm khi nghỉ hưu, Quy định về tổ chức sinh nhật cho CBCNV Công ty, Quy định chế độ đối với NLĐ đi thi hành nghĩa vụ quân sự, Quy định hoạt động của nhà ăn tập thể, Quy định chế độ cho NLĐ làm việc nơi xa, Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV Công ty, Quy chế thực hiện đối thoại định kỳ tại Công ty, Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty nhằm thực hiện các chế độ cho người lao động một cách ổn định.

- Ngoài thực hiện các nội dung của Quy chế dân chủ, Công ty còn lập hòm thư nhằm tiếp nhận các phản ánh của người lao động, đồng thời vào thứ hai tuần cuối hàng tháng TGĐ cũng sắp xếp lịch tiếp đối với người lao động.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLĐ đặc biệt đối với lao động nữ : ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ CBCNV Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/03 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm…Đồng thời khuyến khích, động viên NLĐ tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện :

"Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống"

Với tinh thần đề cao giá trị đạo đức truyền thống, văn hóa *"COMECO nói lời cảm ơn khách hàng"* luôn được hầu hết công nhân viên tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

4.3. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội :

Cùng với sự phát triển sản xuất kinh doanh, COMECO luôn xem việc bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chăm lo cho các gia đình chính sách và chia sẻ nỗi đau là trách nhiệm và lẽ sống của mình. Ngoài việc thăm hỏi, động viên; năm 2013 Công ty còn đóng góp số tiền: **421.610.000** đồng để xây tặng nhà nghĩa tình đồng đội và tặng quà cho các gia đình chính sách, đồng bào nghèo, các trung tâm người già neo đơn, trẻ em tàn tật, đóng góp quỹ "Vì Trường Sa thân yêu", ủng hộ đồng bào bị bão lũ,...

Những việc làm trên của Công ty là thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội được thể hiện trong Giá trị cốt lõi của COMECO :

"Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng"

4.4. Đối với khách hàng và đối tác :

Thái độ của COMECO đối với khách hàng là :

"Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win"

Với phương châm kinh doanh "**COMECO *vì khách hàng phục vụ***", COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia. Hàng năm Công ty đều tiến hành thu thập đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng và đều luôn đạt mức cao cụ thể như sau :

+ Về chất lượng:

ĐƠN VỊ	TỐT	KHÁ	TRUNG BÌNH	XẤU	RẤT KÉM
Các Chi nhánh	88,15%	10,96%	0,88%		
Phòng Kinh Doanh	68,25%	31,75%			

+ Thời gian giao hàng:

ĐƠN VỊ	KỊP THỜI	TƯƠNG ĐỐI KỊP THỜI	TRUNG BÌNH	HƠI CHẬM	CHẬM
Các Chi nhánh	84,05%	15,12%	0,82%		
Phòng Kinh Doanh	58,73%	39,68%	1,59%		

+ Phương thức giao hàng:

ĐƠN VỊ	RẤT THUẬN LỢI	THUẬN LỢI	TRUNG BÌNH	ÍT THUẬN LỢI	KHÔNG THUẬN LỢI
Các Chi nhánh	58,89%	40,14%	0,97%		
Phòng Kinh Doanh	26,98%	53,96%	19,06%		

+ Giá cả:

ĐƠN VỊ	RẤT HỢP LÝ	HỢP LÝ	TRUNG BÌNH	ÍT HỢP LÝ	KHÔNG HỢP LÝ
Các Chi nhánh	52,12%	45,7%	2,18%		
Phòng Kinh Doanh	26,9%	57,14%	15,96%		

+ Phương thức thanh toán:

ĐƠN VỊ	PHÙ HỢP	TƯƠNG ĐỐI PHÙ HỢP	TRUNG BÌNH	ÍT PHÙ HỢP	KHÔNG PHÙ HỢP
Các Chi nhánh	79,82%	18,51%	1,53%	0,14%	
Phòng Kinh Doanh	28,57%	68,25%	3,18%		

+ Nhận xét về thương hiệu COMECO:

ĐƠN VỊ	CAO	KHÁ	TRUNG BÌNH	ÍT BIẾT	KHÔNG BIẾT
Các Chi nhánh	76,80%	21,26%	1,5%	0,44%	
Phòng Kinh Doanh					

Ngoài ra Công ty còn lập đường dây nóng 24/24 số 38.300.222 để tiếp nhận các phản hồi của khách hàng. Lãnh đạo Công ty luôn trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp đồng thời cam kết bảo mật thông tin của khách hàng khi đóng góp ý kiến.

4.5. Đối với cổ đông và nhà đầu tư :

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ :

"Tin cậy - Công khai - Minh bạch"

Chính sách trả cổ tức các năm 2012, 2013 được thực hiện ở mức 15%/VĐL. Lãnh đạo Công ty cam kết duy trì mức trả cổ tức tối thiểu 15% cho năm 2014.

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh :

"Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung"

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế :

Năm 2013, những rủi ro tuy bớt tiêu cực so với những năm qua, các cuộc tranh luận về thuế khóa và ngân sách của Hoa Kỳ vẫn chưa "giải phóng" nước Mỹ khỏi "vách đứng tài khóa". Giải pháp " tiếp tục chi" từ quốc hội Mỹ (cho phép chính phủ tiếp tục vận hành mà không có một bộ luật chuẩn chi) có thể khiến kinh tế Mỹ sụt giảm…Tuy nhiên Chính phủ Việt Nam đã có những biện pháp quyết liệt để giải quyết những bất ổn trong nền kinh tế, trong đó lạm phát và áp lực tỷ giá là những vấn đề đầu tiên sẽ được xử lý nhằm ổn định kinh tế vĩ mô và giảm rủi ro cho nền kinh tế. Ngoài ra, Chính phủ vẫn tiếp tục sử dụng chính sách thuế, tiền tệ và lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp trước những biến động kinh tế của thế giới. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với COMECO là tương đối cao.

Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, COMECO vẫn phát huy các thế mạnh của mình đồng thời mở rộng kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất và đạt hiệu quả cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật :

Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về chính sách giá, tỷ giá, chính sách kinh doanh, chính sách quản lý hệ thống phân phối,… khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

Hướng tới việc mở cửa thị trường xăng dầu, Nhà nước đã ban hành một số chính sách nhằm ổn định đầu mối nhập khẩu, ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo dự trữ,

bình ổn giá xăng dầu trong nước và không bù lỗ cho các doanh nghiệp đầu mối nhằm tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong ngành.

Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGĐ Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ :

Xăng dầu là vật liệu dễ cháy nên nguy cơ hỏa hoạn luôn luôn tiềm ẩn. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm hỏa hoạn, các bảo hiểm rủi ro khác, nhắc nhở khách hàng chấp hành các quy định về PCCC khi đến giao dịch tại các CNXD nhằm đảm bảo hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

4. Rủi ro tín dụng :

Do Công ty thường xuyên thực hiện bán hàng trả chậm cho khách hàng với hình thức tín chấp do đó rủi ro đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính có thể xảy ra. COMECO thường xuyên theo dõi tình hình công nợ và việc thanh toán của khách hàng từ đó tiến hành phân loại khách hàng nhằm áp dụng hình thức trả chậm cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức đảm bảo bằng tài sản khác, đề nghị khách hàng đặt cọc tiền khi mua hàng nhằm giảm thiểu rủi ro về việc khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thanh toán.

5. Rủi ro thanh khoản :

Là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, COMECO đã duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời COMECO cũng tìm được nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Phần 2
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2013 :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2000	TH NĂM 2011	TH NĂM 2012	TH NĂM 2013	TỶ LỆ (%)		TỐC ĐỘ TĂNG BQ (%)
							TH 13/ TH 12	TH 13/ TH 11	
A	B	C	1	2	3	4	5 (4/3)	6 (4/2)	7
1	Doanh thu	*Tr.đ*	394.907	4.732.648	4.956.451	5.230.732	105,53	110,52	121,98
2	Lợi nhuận sau thuế	*Tr.đ*	3.298	33.272	24.525	25.531	104,10	76,73	117,05
3	Các khoản nộp NS	*Tr.đ*	5.233	24.762	25.785	28.775	111,60	116,21	114,01
4	Cổ tức	%	-	18	15	15	100	83,33	

Ghi chú: *- Năm 2000 : Công ty còn là DNNN (CPH ngày 13/12/2000).*
- Số liệu kiểm toán : đến hết năm 2013; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2012.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu. Doanh thu từ mảng kinh doanh này chiếm hơn 99,63 % lợi nhuận toàn Công ty. Nguồn cung ứng xăng dầu trong năm 2013 chủ yếu là: PV Oil và Saigon Petro.

Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế chính đều vượt mức kế hoạch năm 2013 và tăng hơn so với thực hiện năm 2012.

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về kinh doanh; các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty đều đạt kết quả tốt.

Luôn đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ nhân dân Thành phố, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2013 :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TỶ LỆ (%)
1	Doanh thu	*Tr.đ*	5.100.000	5.230.732	102,56
2	Lợi nhuận sau thuế	*Tr.đ*	25.000	25.531	102,12

Năm 2013 nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, giá xăng dầu biến động liên tục (tăng 5 lần, giảm 6 lần), lãi gộp những tháng đầu năm giảm mạnh, mức cầu nhiên liệu giảm, tuy nhiên bằng sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV Công ty COMECO đã hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2013, số liệu cụ thể như bảng trên; tốc độ tăng trưởng bình quân sau 13 năm CPH (2001 – 2013) : 17,05% (LNST). Trong năm 2013, Công ty đã đưa vào hoạt động 2 CNXD và cho thuê thêm tầng 6 Tòa nhà COMECO (đạt công suất 100%).

Bên cạnh đó, để hoàn thành kế hoạch năm 2013 toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty đã nỗ lực, phấn đấu hết mình bằng việc khai thác triệt để các mặt bằng hoạt động kinh doanh và đồng thời tiết giảm đến mức thấp nhất các khoản chi phí không cần thiết.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành :

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành :

▪ Ông Lê Tấn Thương **: Tổng Giám đốc.**

Năm sinh : 13/11/1971

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Anh văn,
Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 21 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 21 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1993 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 15 năm

Từ tháng 6/1993, Ông Lê Tấn Thương là nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu. Tháng 7/1996, Ông là nhân viên Phòng Kế hoạch. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kinh doanh kiêm Quyền Trưởng phòng Kinh doanh từ 10/2000. Từ tháng 1/2001, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh. Từ tháng 10/2010 Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó TGĐ kiêm Ủy viên HĐQT. Tháng 5/2012, Ông được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc và giữ chức vụ này cho đến nay. **(Hình)**

▪ Bà Trần Thị Hồng Lĩnh **: Phó TGĐ.**

Năm sinh : 17/10/1959

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật,
Cử nhân Cao đẳng QTKD,
Trung cấp Lý luận chính trị.

Thâm niên trong ngành : 36 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 36 năm (làm việc tại Công ty từ 4/1978 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 17 năm

Từ tháng 4/1978, Bà Trần Thị Hồng Lĩnh làm nhân viên Phòng Lao động – Tiền lương. Sau đó, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Tổ chức – Hành chính tháng 7/1997 và giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính tháng 10/2000. Tháng 01/2001 đến tháng 04/2007 Bà được bầu làm Ủy viên HĐQT, từ tháng 3/2007 giữ chức vụ Phó TGĐ cho đến nay. **(Hình)**

▪ Ông Phạm Văn Khoa **: Phó TGĐ.**

Năm sinh : 05/5/1973

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng kỹ thuật công trình.

Thâm niên trong ngành : 17 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 15 năm (làm việc tại Công ty từ 7/1999 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty: 10 năm

Từ tháng 7/1999, Ông Phạm Văn Khoa là nhân viên Phòng Kỹ Thuật. Tháng 07/2004 ông được bổ nhiệm giữ nhiệm vụ Trưởng ban xây dựng cơ bản. Từ tháng 04/2005 ông giữ nhiệm vụ Giám đốc Đầu tư – Xây dựng. Từ tháng 04/2006 đến 04/2012 ông được bầu làm Ủy viên Ban Kiểm soát. Đến tháng 04/2013, ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Phạm Công Quyền** : **Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính.**
Năm sinh : 19/6/1963
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
Cử nhân Tài chính,
Cử nhân Ngoại thương.
Thâm niên trong ngành : 28 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 28 năm (làm việc tại Công ty từ 6/1986 đến nay)
Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 25 năm

Từ tháng 6/1986, Ông Phạm Công Quyền là nhân viên Kế toán Tổng hợp. Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kế toán tháng 6/1989. Từ tháng 1/2001, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính. Tháng 04/2012, Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính cho đến nay. **(Hình)**

1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần COM của Ban TGĐ, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan :

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TGĐ, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 07-3-2014)

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TỔNG SLCP	TL/VĐL (%)
1	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
1	**Ban Tổng Giám Đốc**		**156.940**		**51.140**	**208.080**	**1,47**
1	Lê Tấn Thương	TGĐ	68.820	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	107.730	0,76
2	Trần Thị Hồng Lĩnh	Phó TGĐ	86.170	Con : Trần Thị Tố Như	11.860	98.120	0,69
				Em : Trần Thị Thanh Nam	90		
3	Phạm Văn Khoa	Phó TGĐ	1.950	Vợ : Lê Thị Hồng Anh	280	2.230	0,02
II	**Kế toán trưởng**		**100.255**		**0**	**100.255**	**0,71**
1	Phạm Công Quyền	GĐTC - KTT	100.255			100.255	0,71
	TC (I + II)		**257.195**		**51.140**	**308.335**	**2,18**

2. Những thay đổi trong Ban điều hành :

Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty (Ông Phạm Văn Khoa) theo Quyết định 05/QĐ-HĐQT ngày 01/4/2013 từ ngày 01/4/2013 (nhiệm kỳ 5 năm).

3. Số lượng CBCNV và chính sách đối với người lao động :

3.1. Số lượng CBCNV :

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2013

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2012		NĂM 2013		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5(3/1)
I	**Tổng số lao động**	**537**		**525**		**98**
II	**Trình độ văn hóa**					
1	Trên đại học	06	1,12	06	1.13	100
2	Đại học	57	10,61	64	12,10	112
3	Cao đẳng	20	3,72	20	4,73	100
4	Trung cấp	28	5,21	49	9,26	175

5	Cấp III	355	66,11	331	63,05	93
6	Cấp II	71	13,22	55	10,48	77
III	**Chính trị**					
1	Đảng viên	43	8,01	46	8,76	107
2	Đoàn viên thanh niên	62	11,55	50	9,52	81
3	Đoàn viên Công đoàn	463	86,22	494	94,10	107
IV	**Kinh nghiệm**					
1	NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	116	21,60	77	14,67	66
2	NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	282	52,51	315	60,00	112
V	**Độ tuổi**					
1	NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	275	51,21	254	48,38	92
2	NLĐ có tuổi đời 31 đến 40	133	24,77	170	32,38	128
3	NLĐ có tuổi đời 41 đến 50	53	9,87	50	9,52	94
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 trở lên	76	14,15	51	9,71	67
VI	**Cán bộ Quản lý**					
1	Khối văn phòng (từ Phó GĐ bộ phận trở lên)	18	3,35	18	3,43	100
2	Khối CNXD (Trưởng, Phó CNXD)	49	9,12	48	9,14	98

3.2. Chính sách đối với người lao động :

- Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ 525 lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều năm gắn bó với Công ty.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm cán bộ trẻ. Năm 2013, Công ty đã tổ chức đào tạo được 1.672 lượt người, đạt 167% so với kế hoạch; cử đi đào tạo 38 cử nhân và 01 cao đẳng.

- Quy hoạch và đào tạo được 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 8 cán bộ cho cấp phòng trở xuống, việc đào tạo và bổ nhiệm đúng theo quy hoạch. Trong năm 2013, Công ty bổ nhiệm được 01 Phó Tổng Giám đốc; 02 Giám đốc bộ phận; 01 Quyền Giám đốc bộ phận; 02 Phó Giám đốc bộ phận; 01 Phụ tá Giám đốc; 01 Phó ban QTCLTD; 04 Trưởng Chi nhánh; 01 Kế toán Chi nhánh; 01 Công nhân bơm xăng kiêm kế toán Chi nhánh.

- Hệ thống quản trị Chất lượng Toàn diện liên tục được cải tiến và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả Công ty.

- Phong trào sáng kiến, giải pháp mới : có 24 Giải pháp mới được xét công nhận và khen thưởng kịp thời. Nhiều giải pháp có tính hữu ích cao giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí.

- Các chế độ chính sách đối với người lao động được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Cùng với việc quan tâm đời sống vật chất cho người lao động, Công ty còn tổ chức cho toàn thể người lao động đi nghỉ dưỡng hàng năm.

- Việc làm và đời sống của toàn thể CBCNV đã được duy trì trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như hiện nay. Không có trường hợp bị mất việc làm. Thu nhập và việc làm của người lao động được ổn định.

- Duy trì thường xuyên việc xây dựng văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO.

- Công tác an ninh trật tư và an toàn cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm, thường xuyên chỉ đạo và kiểm tra tình hình thực hiện để đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh, đồng thời góp phần đảm bảo trật tự chung của Thành phố.

- Đời sống NLĐ được cải thiện. Môi trường làm việc an toàn và ngày càng được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 và công cụ nâng cao năng suất lao động "5S".

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư :

- Năm 2013, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện việc khảo sát, bố trí lại các mặt bằng tại các CNXD để lắp thêm trụ bơm, bố trí các mặt hàng cho phù hợp với thị trường; đầu tư sửa chữa các CNXD, đặc biệt là các CNXD theo phụ lục 2 (QĐ 39 của Thành phố). Đầu tư sửa chữa nâng cấp các CNXD; xây mới lại CNXD số 18 và trang bị thêm hệ thống chữa cháy cho phù hợp với Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND.

- Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai đối với tất cả các mặt bằng của Công ty.

- Thực hiện xong việc di dời số hộ dân còn lại trong Tổng kho Xăng dầu COMECO, tổ chức phát quang và tiếp nhận miễn phí khoảng 120.000m^3 đất nạo vét sông Soài Rạp để san lấp Tổng kho.

- Phát triển thêm được 02 CNXD mới: CNXD số 41 tại Lái Thiêu-Bình Dương (hoạt động từ 02/02/2013) và CNXD số 42 tại Cần Giuộc-Long An (hoạt động từ 25/4/2013), đạt 100% kế hoạch năm.

- Tập trung đầu tư khai thác các mặt bằng còn trống, chuyển đổi công năng, xem xét bố trí cho phù hợp và hiệu quả tối ưu.

- Về khai thác kinh doanh tại Tòa nhà COMECO: Đã khai thác 100% .

Năm 2013, COMECO đã đầu tư và thanh quyết toán **33.045.615.402 đồng** cho các hạng mục công trình sau :

- Tổng kho :	1.071.033.593 đ
+ Chi phí san lấp mặt bằng :	*459.951.775 đ*
+ Chi phí phát quang mặt bằng :	*346.500.000 đ*
+ Chi phí thi công cống thoát nước :	*127.581.818 đ*
+ Chi phí bồi thường, hỗ trợ di dời :	*100.000.000 đ*
+ Chi phí khác :	*37.000.000 đ*
- Quyền sử dụng đất CNXD số 39	1.380.340.500 đ
- Đầu tư sửa chữa CNXD số 18	332.786.191 đ
- Đầu tư sửa chữa CNXD số 41 (hoạt động KD ngày 02/02/2013):	419.028.925 đ
- Đầu tư sửa chữa CNXD số 42 (hoạt động KD ngày 25/4/2013):	537.630.533 đ
- Chuyển mục đích sử dụng đất mặt bằng 11 Cao Bá Nhạ, Q.1	15.727.850.511 đ
- Chuyển mục đích sử dụng đất mặt bằng 25/20 Cống Quỳnh, Q.1	3.621.965.217 đ
- Chuyển mục đích sử dụng đất mặt bằng 85 Nguyễn Cư Trinh, Q.1	9.350.684.432 đ
- Máy móc thiết bị :	146.205.000 đ

2. Một số dự án lớn của Công ty :

***2.1. Dự án xây dựng Tổng kho Xăng dầu COMECO** (đang thực hiện) :*

- Địa điểm : Xã Phú Đông và xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. (Sông Nhà Bè, gần đối diện với Kho Xăng dầu Nhà Bè, Tp.HCM).

- Diện tích đất : 20ha (200.000 m^2) với 370 m chiều ngang mặt tiền sông Nhà Bè.

Công ty sẽ thực hiện đầu tư dưới nhiều hình thức để phát triển sản xuất kinh doanh sao cho có hiệu quả nhất.

Hiện nay đã thực hiện một số công việc như : Hoàn tất thủ tục đền bù, nộp tiền sử dụng đất (giao đất), thi công san lấp mặt bằng,... với tổng chi phí thực hiện đến 31/12/2013 là 60,642 tỷ đồng.

Trong năm 2013 đã thực hiện phát hoang dọn dẹp mặt bằng, thi công các hạng mục kỹ thuật để tiếp nhận được khoảng 120.000 m^3 đất san nền với kinh phí thực hiện là 600 triệu đồng và hỗ trợ di dời là 100 triệu đồng. Dự kiến năm 2014 sẽ tiếp tục giải phóng mặt bằng để tiếp tục nhận nguồn đất từ Dự án nạo vét luồng Soài Rạp và làm mốc ranh bảo vệ với chi phí dự kiến 8 tỉ đồng.

***2.3. Một số dự án đầu tư xây dựng CNXD** (đã thực hiện xong):*

2.3.1. Dự án CNXD số 41 :

- Hình thức đầu tư: Hợp tác với Xí nghiệp Tư doanh Vật liệu Xây dựng Thuận Hòa thuê CNXD đang hoạt động.

- Địa điểm: KP Nguyễn Trãi, Quốc lộ 13, Thị trấn Lái Thiêu, tỉnh Bình Dương.

- Diện tích đất và CNXD: 2936.5 m^2.

- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là 420 triệu đồng và trả tiền thuê hàng quý.

- Đưa vào hoạt động: 02/02/2013.

2.3.2. Dự án CNXD số 42 :

- Hình thức đầu tư: Hợp tác với DNTN Trường Bình thuê CNXD đang hoạt động.

- Địa điểm : Quốc lộ 50, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Diện tích đất và CNXD: 1990,0 m^2.

- Tổng mức đầu tư cải tạo, nâng cấp là 447 triệu đồng.

- Đưa vào hoạt động: 26/04/2013.

2.4. Cải tạo sửa chữa hệ thống CNXD :

2.4.1. Kinh doanh nhiên liệu sinh học E5 :

Sự phát triển bền vững của một quốc gia không thể tách rời với việc phát triển kinh tế song song với bảo vệ môi trường và đặc biệt là đảm bảo an ninh năng lượng. Trong bối cảnh nhu cầu nhiên liệu gốc khoáng tăng cao trong khi nguồn cung cấp ngày càng hạn chế dẫn đến giá nhiên liệu gốc khoáng cũng tăng theo, việc đảm bảo an ninh năng lượng đang ngày càng trở nên cấp bách đối với tất cả các nước trên thế giới. Thêm vào đó, nhu cầu giảm phát thải các loại khí thải độc hại để bảo vệ môi trường, giảm chi phí y tế cho cộng đồng cũng trở nên bức thiết. Ngoài ra, việc hình thành một ngành công nghiệp nhiên liệu mới cũng sẽ giúp tạo việc làm, tạo cơ hội đầu tư và hỗ trợ phát triển nền kinh tế. Sản xuất và sử dụng nhiên liệu tái tạo nói chung và E5 nói riêng đáp ứng cả ba khía cạnh này.

Nhận thức được tầm quan trọng của nhiên liệu sinh học trong đó có xăng E5 đến sự phát triển bền vững của đất nước, đồng thời tuân thủ theo quyết định ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống của Thủ tướng Chính phủ, COMECO đã triển khai thí điểm kinh doanh xăng sinh học E5 tại một số CNXD của Công ty. Từ thành công bước đầu của chương trình, ngày 13/12/2011 nhân kỷ niệm 36 năm ngày thành lập Công ty COMECO đã chính thức triển khai kinh doanh xăng sinh học E5 tại **10 Cửa hàng xăng dầu** thuộc hệ thống của COMECO. Kế hoạch sắp tới COMECO theo lộ trình sẽ tiếp tục triển khai rộng khắp trong hệ thống CNXD của Công ty.

Việc triển khai kinh doanh xăng E5 một lần nữa thể hiện cam kết bảo vệ môi trường của COMECO, đồng thời mang đến cho khách hàng thêm sự lựa chọn khi sử dụng nhiên liệu. **(Hình)**

2.4.2. Đầu tư nâng cấp các CNXD theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007 :

- COMECO đã đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước và hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các CNXD để đảm bảo nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty đều ký hợp đồng với đơn vị Nhà nước có chức năng để thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải, khí tại các CNXD COMECO và kết quả đều đạt yêu cầu.

- Đối với chất thải : hầu hết các CNXD COMECO đều có đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị đầy đủ phương tiện tại các CNXD để kiểm soát, phân loại chất thải sinh hoạt vào chất thải nguy hại (Việc thực hiện thu gom và xử lý chất thải tại các CNXD COMECO được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần theo quy định).

***2.4.3. Đầu tư nâng cấp Chi nhánh số 18 theo QĐ số 17** (đã thực hiện xong):*

Thực hiện việc nâng cấp, cải tạo sửa chữa lớn theo QĐ 17 và QCVN:01/BCT với chi phí thực hiện dự kiến là 1,3 tỷ đồng (trong đó năm 2013 đã chi 0,332 tỷ đồng). Trong năm 2014 sẽ thực hiện việc kiểm toán quyết toán công trình sửa chữa CNXD số 18 với chi phí khoảng 1 tỷ đồng.

2.4.4. Đầu tư trang bị hệ thống thiết bị chữa cháy theo quy định của Nhà nước:

Theo quy định trước tháng 6/2014 COMECO phải đầu tư xong cho 28 Chi nhánh tại Tp.HCM hệ thống chữa cháy bán tự động FOAM và trung tâm cảnh báo cháy theo yêu cầu của Sở Cảnh sát PCCC Tp.HCM. Đây là khoản đầu tư tương đối lớn.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2011	TH NĂM 2012	TH NĂM 2013	TL SO SÁNH (%)	
						13/12	13/11
A	B	C	1	2	3	4(3/2)	5(3/1)
1	Tổng tài sản	*Tr.đ*	448.555	606.611	597.791	98,55	133,27
2	Vốn chủ sở hữu	*Tr.đ*	357.836	357.225	360.078	100,08	100,63
3	Vốn điều lệ	*Tr.đ*	141.206	141.206	141.206	100	100
4	Số lượng cp đang lưu hành	*Cp*	13.750.875	13.750.875	13.750.875	100	100
5	Doanh thu thuần	*Tr.đ*	4.732.648	4.956.451	5.230.732	105,53	110,52
6	Lợi nhuận từ hoạt động KD	*Tr.đ*	41.116	31.834	30.815	96,80	74,95
7	Lợi nhuận khác	*Tr.đ*	1.757	111	1.885	1.698,1	107,29
8	Lợi nhuận trước thuế	*Tr.đ*	42.874	31.945	32.700	102,36	76,27
9	Lợi nhuận sau thuế	*Tr.đ*	33.272	24.525	25.531	104,10	76,73
10	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	18	15	15	100	83,33
11	Lãi cơ bản trên cp (9/4)	*Đồng*	2.420	1.784	1.857	104,09	76,74
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách (2/4)	*Đồng*	26.023	25.978	26.186	100,80	100,63

Ghi chú : Số liệu kiểm toán : đến hết năm 2013; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2012.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2011	TH 2012	TH 2013	TL SO SÁNH (%)	
						13/12	13/11
A	B	C	1	2	3	4(3/2)	5(3/1)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1.1	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: *(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)*	*Lần*	2,69	1,52	1,38	90,75	51,24
1.2	+ Hệ số thanh toán nhanh: *((TSLĐ – Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn)*	*Lần*	2,19	0,74	0,49	66,22	22,37
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
2.1	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	*Lần*	0,20	0,41	0,40	96,73	196,62
2.2	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	*Lần*	0,25	0,70	0,66	94,56	260,40
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
3.1	+ Vòng quay hàng tồn kho: *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	*Vòng*	73	41	25	60,98	34,25
3.2	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	10,55	8,17	8,75	107,09	82,93
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%					
4.1	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,70	0,49	0,49	98,64	69,43
4.2	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,30	6,87	7,09	103,28	76,26
4.3	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,42	4,04	4,27	105,64	57,58
4.4	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	%	0,87	0,64	0,59	91,72	67,81

3. Tình hình tài sản :

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM *(đồng)*	SỐ ĐẦU NĂM *(đồng)*	TỶ LỆ *(%)*
A	B	1	2	3 (1/2)
1	Tài sản ngắn hạn	324.078.103.587	372.201.931.013	86,95
2	Tài sản dài hạn	273.713.170.949	234.409.397.990	116,77
	TỔNG CỘNG	**597.791.274.536**	**606.611.329.003**	**98,55**

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm :

SỐ TT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ *(đồng)*	GIÁ TRỊ CÒN LẠI *(đồng)*	TỶ LỆ *(%)*
A	B	1	2	3 (2/1)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	125.620.211.090	103.672.817.736	82,53
2	Máy móc thiết bị	12.575.601.457	1.517.625.504	12,07
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.034.703.558	4.891.710.690	27,12
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.552.665.136	1.860.460.708	52,37
	TỔNG CỘNG	**159.783.181.241**	**111.942.614.638**	**70,06**

Nhận xét :

- Tài sản ngắn hạn: Cuối năm 2013 giảm 13,05 % so với cuối năm 2012 chủ yếu do giảm khoản mục các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (giảm 72,11%), bên cạnh đó khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 2013 cũng giảm 49,82% so với cuối năm 2012.

- Tài sản dài hạn : Trong năm 2013, Công ty đã tiến hành thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất một số mặt bằng ở Quận 01 dẫn đến làm tăng giá trị tài sản dài hạn so với năm 2012.

- COMECO có thể khẳng định rằng : Trong năm 2013 nền tài chính của COMECO hoàn toàn chủ động, vốn đầu tư cho các dự án được đáp ứng đầy đủ theo đúng tiến độ.

- Báo cáo quyết toán của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

- Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

4. Tình hình nợ phải trả :

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM *(đồng)*	SỐ ĐẦU NĂM *(đồng)*	TỶ LỆ *(%)*
A	B	1	2	3 (1/2)
01	Nợ ngắn hạn	235.491.122.938	245.783.871.099	95,81
02	Nợ dài hạn	2.222.156.243	3.602.356.874	61,69
	TỔNG CỘNG	**237.713.279.181**	**249.386.227.973**	**95,32**

Nhận xét : Nợ phải trả trong năm 2013 của Công ty giảm so với năm 2012 do các khoản phải trả người bán giảm mạnh.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần :

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 07-3-2014 :

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	**Cổ phiếu thường**	**12.930.185**	
2	**Cổ phiếu quỹ**	**369.753**	
3	**Cổ phiếu bán cho các đối tác chiến lược**	**820.690**	
	Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một Thành Viên (PVOil) thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petro VN)	820.690	5 năm (23/1/2008 → 23/1/2013)
	TỔNG CỘNG	**14.120.628**	

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :

Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành tại thời điểm 31-12-2013 (không bao gồm cổ phiếu quỹ: 369.753 cổ phiếu): **13.750.875 cp**

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31-12-2013 :

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{360.077.995.355\ đ}{13.750.875\ cp} = \mathbf{26.186\ đ/cp}$$

1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2013 :

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2013

ĐVTính : đồng

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	30.500	34.200	32.600	30.500	34.000	31.000	31.500	28.300	28.800	28.500	30.000	31.000	34.200
Thấp nhất	26.000	29.800	29.200	28.400	27.600	24.300	24.100	22.900	26.900	22.600	23.000	24.400	22.600
Trung bình	28.100	31.600	30.800	29.300	30.700	28.200	28.100	26.100	27.500	26.100	27.000	28.600	28.400

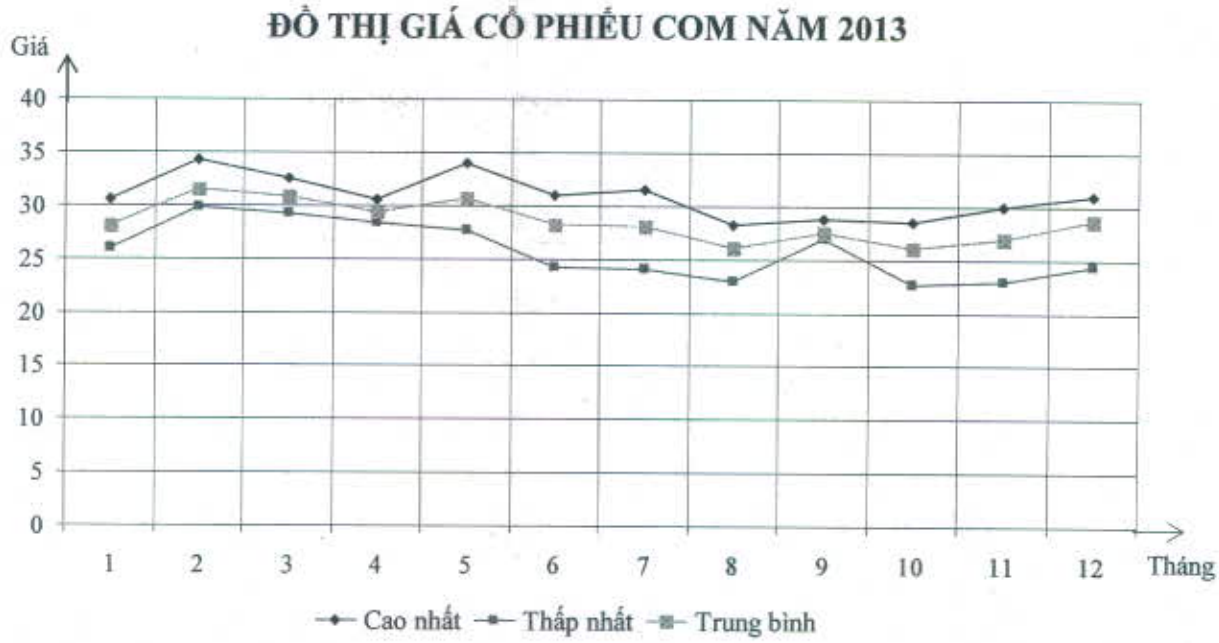

2. Cơ cấu cổ đông :

2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài :

SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 12/8/2013			THỜI ĐIỂM 07/3/2014			TỶ LỆ (%)
		SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	SLCỔ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/VĐL (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	**Cổ đông trong nước**	**430**	**14.041.038**	**99,44**	**386**	**14.041.328**	**99,44**	**100**
1	Pháp nhân	9	11.438.353	81,00	8	11.917.063	84,39	104,19
2	Cá nhân	421	2.602.685	18,43	378	2.124.265	15,04	81,62
II	**Cổ đông nước ngoài**	**84**	**79.590**	**0,56**	**83**	**79.300**	**0,56**	**99,64**
1	Pháp nhân	2	6.230	0,04	2	6.230	0,04	100
2	Cá nhân	82	73.360	0,52	81	73.070	0,52	99,60
	TC (I + II)	**514**	**14.120.628**	**100**	**469**	**14.120.628**	**100**	

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM :

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 07/3/2014)

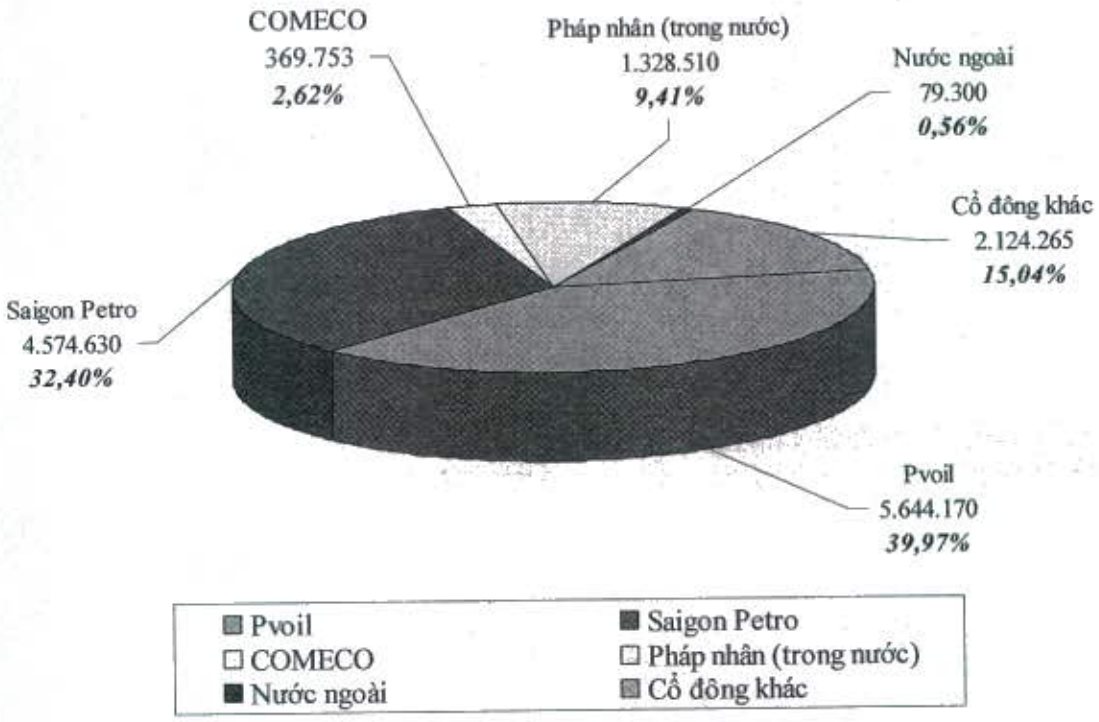

2.3. Cổ đông lớn :

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN NHẤT SỞ HỮU CP COM
(Tại thời điểm 07/3/2014)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 12/8/2013		TĂNG GIẢM (cp)	CỔ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 07/3/2014	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOil)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	5.169.910	36,61	474.260	5.644.170	39,97
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	4.570.170	32,37	4.460	4.574.630	32,40
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Ngân hàng	693.240	4,91	0	693.240	4,91
4	Cty Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư (Petec)	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, Tp.HCM	Dầu khí	476.620	3,38	0	476.620	3,38
5	Bà Trương Đức Hạnh và người có liên quan	549 Điện Biên Phủ, Q.3, Tp.HCM	CT HĐQT COMECO	507.400	3,59	- 86.000	421.400	2,98

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2013 : không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ :

- Tồn đầu kỳ 01/01/2013 : 369.753 cp
- Mua trong năm 2013 : 0 cp
- Bán trong năm 2013 : 0 cp
- Tồn cuối kỳ 31/12/2013 : **369.753 cp**

5. Các chứng khoán khác :

5.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan :

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2013
(Từ ngày 01-01-2013 đến 31-12-2013)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TỒN ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TỒN CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	**Cổ phiếu đã niêm yết**		**1.555.121**			**826.490**	**18.066.280**	**728.631**	**14.037.160**
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504					237.504	3.450.000
2	Cty cp Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	5.133					5.133	46.600
3	Cty cp Cơ khí - Điện Lữ Gia	LGC	279.290			279.290	3.388.176		
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
5	Cty cp Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ	385.200			385.200	11.787.804		
6	Cty cp Chứng khoán Sài Gòn	SSI	162.000			162.000	2.890.300		
7	Cty cp Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
8	Cty cp Bến xe miền Tây	WCS	44.300					44.300	775.250
II	**Cổ phiếu chưa niêm yết**		**2.570.465**					**2.570.465**	**26.809.774**
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800					43.800	444.000
2	Cty cp Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
3	Cty cp Vật tư Xăng dầu Petec		26.990					26.990	272.599
4	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
5	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675					99.675	2.093.175
6	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
7	Cty Cp Vận tải X.dầu Dầu khí Miền Nam		1.000.000					1.000.000	10.000.000
	TỔNG CỘNG		**4.125.586**			**826.490**	**18.066.280**	**3.299.096**	**40.846.934**

Ghi chú : Cách hạch toán khi bán cổ phiếu :
- Giá vốn : giá mua cổ phiếu tính theo giá bình quân.
- Giá bán : giá thị trường tại thời điểm giao dịch.

5.2. Đầu tư mua cổ phiếu :

5.2.1. Đầu tư vào các công ty đã niêm yết :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CMV	HAX	PMS	TMC	WCS
A	B	C	1	2	3	4	5
1	**Doanh thu thuần**	*Tr.đ*	**4.281.765**	**686.842**	**751.145**	**2.263.353**	**76.526**
2	Lợi nhuận trước thuế (PBT)	*Tr.đ*	32.729	1.326	9.002	20.254	35.963
3	**Lợi nhuận sau thuế (PAT)**	*Tr.đ*	**24.509**	**1.326**	**6.433**	**15.192**	**26.972**
4	Tổng giá trị tài sản	*Tr.đ*	528.490	231.723	175.266	365.531	109.310
5	**Vốn chủ sở hữu**	*Tr.đ*	**154.614**	**83.853**	**117.079**	**177.692**	**85.426**
6	**Vốn điều lệ**	*Tr.đ*	**121.039**	**111.162**	**72.277**	**124.000**	**25.000**
7	KLCP đang lưu hành BQ	*Cp*	12.103.912	11.116.169	7.201.772	12.400.000	2.500.000
8	Cổ phiếu ngân quỹ	*Cp*	0	0	25.890	0	0
9	LN sau thuế/DT thuần (3/1)	%	0,57	0,19	0,86	0,67	35,25
10	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) (3/5)	%	15,85	1,58	5,49	8,55	31,57
11	**LN sau thuế/Vốn điều lệ (3/6)**	%	**20,25**	**1,19**	**8,90**	**12,25**	**107,89**
12	**Thu nhập trên mỗi CP (EPS) (3/7)**	*Đồng*	**2.025**	**119**	**893**	**1.225**	**10.789**
13	Giá thị trường (P) (ngày 31/12)	*Đồng*	13.600	4.200	20.800	9.600	65.000
14	Giá thu nhập (P/E) (13/12)	*Lần*	7	35	23	8	6
15	Giá trị CP trên sổ sách	*Đồng*	12.774	7.543	16.257	14.330	34.171
16	Giá trị vốn hóa (31/12/2013)	*Tr.đ*	164.613	46.688	149.797	119.040	162.500

Ghi chú : - Nguồn số liệu : BCTC hợp nhất do các công ty cung cấp.
- Số liệu TMC đã được kiểm toán.
- Tên các Công ty niêm yết :

SỐ TT	MÃ CK	TÊN CÔNG TY	SỐ TT	MÃ CK	TÊN CÔNG TY
01	CMV	Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau	04	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức
02	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ôtô Hàng Xanh	05	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây
03	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu			

5.2.2. Đầu tư vào các công ty chưa niêm yết :

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	CTY CP CÀ PHÊ PETEC	CTY CP VẬT TƯ XĂNG DẦU PETEC	TỔNG CTY PETEC	CTY CP VẬN TẢI BIỂN VIỆT TÍN	CTY CP CƠ KHÍ ÔTÔ CẦN THƠ	CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU DẦU KHÍ MIỀN NAM	CTY CP XĂNG DẦU DẦU KHÍ SÀI GÒN
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
1	**Doanh thu thuần**	*Tr.đ*	**1.260.106**	**233.445**	**9.817.101**	**96.556**	**43.780**	**180.248**	**6.042.789**
2	Lợi nhuận trước thuế (PBT)	*Tr.đ*	- 16.155	- 8.962	- 444.803	- 5.575	- 3.783	4.346	16.771
3	**Lợi nhuận sau thuế (PAT)**	*Tr.đ*	**- 16.155**	**- 8.962**	**- 451.329**	**- 5.575**	**- 3.783**	**3.831**	**11.688**
4	Tổng giá trị tài sản	*Tr.đ*	123.259	29.210	2.387.877	177.208	22.754	111.862	811.852
5	**Vốn chủ sở hữu**	*Tr.đ*	**30.395**	**5.786**	**1.078.782**	**8.895**	**8.073**	**51.339**	**218.848**
6	**Vốn điều lệ**	*Tr.đ*	**30.000**	**25.500**	**2.488.775**	**67.000**	**22.194**	**50.000**	**200.000**
7	KLCP đang lưu hành BQ	*Cp*	3.000.000	2.550.000	248.877.570	6.700.000	2.219.395	5.000.000	20.000.000
8	Cổ phiếu ngân quỹ	*Cp*	0	0	0	0	0	0	0
9	LN sau thuế/DT thuần (3/1)	%	- 1,28	- 3.84	-4,60	-5,77	- 8,64	2,13	0,19
10	LN sau thuế/Vốn CSH (ROE) (3/5)	%	- 53,15	- 154,89	-41,84	- 62,67	- 46,85	7,46	5,34
11	**LN sau thuế/Vốn điều lệ (3/6)**	%	**- 53,85**	**- 35.15**	**-18,13**	**- 8,32**	**- 17,04**	**7,66**	**5,84**
12	**Thu nhập trên mỗi CP (EPS) (3/7)**	*Đồng*	**- 5.385**	**- 3.515**	**-1.813**	**- 832**	**- 1.704**	**766**	**584**
13	Giá trị CP trên sổ sách	*Đồng*	10.132	2.269	4.335	1.328	3.638	10,268	10.942

Ghi chú :

- Nguồn số liệu : Do các công ty cung cấp.
- Công ty Cp Cà phê Petec, Công ty Cp Vật tư Xăng dầu Petec, Tổng Công ty Petec, Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam, Công ty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn : số liệu đã kiểm toán.
- Công ty PETEC : Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN) chuyển giao phần vốn của Tập đoàn tại Petec cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) theo Quyết định số 46/2013/QĐ-TTg ngày 05/01/2013.

5.3. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán :

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

(Tính đến 31/12/2013)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU *(cp)*	GIÁ MUA BÌNH QUÂN *(đ/cp)*	GIÁ NGÀY 31/12/13 *(đ/cp)*	CHÊNH LỆCH ĐƠN GIÁ *(đ/cp)*	GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH *(1.000đ)*	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP 31/12/2010	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP 31/12/2011	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP 31/12/2012	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP 31/12/2013
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5 (1x4)	6	7	8	9 (5-6-7-8)
I	**CP đã niêm yết**		**728.631**				**-3.788.284**	**-1.047.329**	**-5.153.969**	**301.206**	**2.111.807**
1	Cty cp Thương nghiệp Cà Mau	CMV	237.504	14.526	13.600	-926	-219.946	0	0	0	-219.946
2	Cty cp DV Ôtô Hàng Xanh	HAX	5.133	9.079	4.200	-4.879	-25.041	0	-21.962	-7.186	4.106
4	Cty cp Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942	22.548	20.800	-1.748	-309.231	-1.047.329	-1.739.090	-194.637	2.671.824
7	Cty cp TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	9.600	-12.215	-3.234.066	0	-3.392.917	503.029	-344.178
8	Cty cp Bến xe Miền Tây	WCS	44.300	17.500	65.000	47.500	2.104.250	0	0	0	0
II	**CP chưa niêm yết**		**2.570.465**				**-9.252.259**				**-9.252.259**
1	Cty cp Cà phê Petec		43.800	10.137	10.137	0	0				0
2	Cty cp Cơ khí ôtô Cần Thơ		200.000	10.000	5.343	-4.657	-931.586				-931.586
3	Cty cp Vật tư Xăng dầu Petec		26.990	10.100	10.100	0	0				0
4	Cty cp Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000	2.178	-7.822	-7.822.263				-7.822.263
5	Tổng Cty Cp TM KT & ĐT Petec		99.675	21.000	21.000	0	0				0
6	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000	10.000	0	0				0
7	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam		1.000.000	10.000	9.502	-498	-498.410				-498.410
	TỔNG CỘNG (I + II)		**3.299.096**				**-13.040.543**	**-1.047.329**	**-5,153.969**	**301.206**	**-7.140.452**

Ghi chú :

- Mệnh giá : 10.000 đ/cp.
- Cột 3 : Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2013 được tính như sau :

  + Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch.

  + Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào. Các cổ phiếu của Cty Cp Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty Cp Vận tải Biển Việt Tín, Công ty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam do vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ (BCTC năm 2012 đã kiểm toán) nên COMECO trích lập dự phòng căn cứ theo Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính thì điều kiện để trích dự phòng đối với cổ phiếu : có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với vốn điều lệ và mua theo mệnh giá 10.000 đ/cp.

Phần 3
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Phân tích những biến động – những thay đổi lớn so với dự kiến :

Năm 2013, nền kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi chậm và chưa thực sự bền vững do tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi chậm lại và sự phục hồi của Eurozone cùng Nhật Bản chưa thực sự vững chắc. Tình hình kinh tế trong nước mặc dù đã có sự chuyển biến tích cực đi lên về cuối năm, song tăng trưởng vẫn còn ở mức thấp và tồn tại nhiều khó khăn :

- Giá xăng dầu biến động liên tục (năm 2013, giá xăng dầu trong nước có: 5 lần tăng, 6 lần giảm).

- Mức cầu nhiên liệu giảm do nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất kinh doanh, ngừng hoạt động, số doanh nghiệp phá sản, giải thể tăng cao. Sức mua hiện nay rất thấp, người tiêu dùng tiết kiệm chi phí.

- Hoạt động tín dụng tuy được siết chặt nhưng rủi ro nợ xấu vẫn tiềm ẩn, xu hướng chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp có chiều hướng gia tăng. Công ty thực hiện việc sàng lọc khách hàng và tìm kiếm khách hàng mới, đồng thời việc hạn chế bán trả chậm cũng ảnh hưởng đến sản lượng kinh doanh của Công ty.

- Nhiều công trình thi công hạ tầng như: cầu vượt, phân lại luồng tuyến,… làm ảnh hưởng sản lượng kinh doanh tại các Cửa hàng xăng dầu của Công ty.

- Tp.HCM mở rộng và đưa vào hoạt động các tuyến đường vành đai, các loại xe lớn lưu thông qua Thành phố trên các tuyến đường này nên sản lượng bán hàng của các CNXD trong khu vực nội thành và các CNXD xa tuyến đường vành đai bị giảm.

- Đầu tư chi phí để sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại một số CHXD hiện hữu cho phù hợp với Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND.

- Các chi phí điện, nước, thuê đất,… tăng cao.

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

Trước những khó khăn trên, Ban TGĐ cùng với tập thể CBCNV Công ty đã cố gắng triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả. Kết quả đạt được như sau :

- Tình hình kinh doanh ổn định, các chỉ tiêu kinh tế đều vượt mức kế hoạch năm 2013.

- Công tác đầu tư được tiến hành theo chiến lược của của HĐQT và kế hoạch của TGĐ Công ty:

+ Đầu tư sửa chữa, mở rộng một số CNXD hiện hữu; lắp thêm trụ bơm và bố trí lại các mặt hàng ở một số tiểu đảo trụ bơm cho hiệu quả hơn.

+ Đầu tư sửa chữa nâng cấp các CNXD; xây mới lại CNXD số 18 và trang bị thêm hệ thống chữa cháy cho phù hợp với Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND.

+ Tập trung hoàn thiện các hồ sơ pháp lý đất đai.

+ Phát triển thêm được 02 CNXD mới (CNXD số 41 ở thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương và CN số 42 ở huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An).

+ Tập trung đầu tư khai thác các mặt bằng còn trống.

+ Về khai thác kinh doanh tại Tòa nhà COMECO: Tầng 6 đã có đơn vị thuê (từ tháng 2/2014). Do đó, công suất cho thuê đạt 100%.

+ Thực hiện xong việc di dời số hộ dân còn lại trong Tổng kho Xăng dầu COMECO, tổ chức phát quang và tiếp nhận miễn phí khoảng 120.000m^3 đất nạo vét sông Soài Rạp để san lấp Tổng kho Xăng dầu COMECO (Nhơn Trạch, Đồng Nai).

- Công tác quản lý :

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành một số Quy định phục vụ cho công tác quản lý và phát triển SXKD như: Quy định về tiền lương cho Tổ tiếp thị, Quy định hướng dẫn sử dụng những bộ phận chính trên xe bồn, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy chế đối thoại, Quy chế thực hiện Hội nghị người lao động,...

+ Luôn cố gắng đảm bảo đủ lượng hàng hóa để phục vụ nhân dân Thành phố, góp phần bình ổn thị trường và trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là tại các thời điểm khan hiếm xăng dầu.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về kinh doanh. Các đợt thanh, kiểm tra xăng dầu đột xuất của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty chưa bị nhắc nhở lần nào.

+ HĐQT và Ban điều hành đang tích cực tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi nợ khoản nợ còn lại của Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam (có thư bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank)).

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực luôn được đặc biệt chú trọng. Năm 2013, Công ty đã tổ chức đào tạo được 1.672 lượt người, đạt 167% kế hoạch năm; cử đi đào tạo : 38 cử nhân, 01 cao đẳng và nhiều lớp chuyên môn nghiệp vụ các loại; quy hoạch và đào tạo được 6 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt, 8 cán bộ cho cấp phòng trở xuống, việc đào tạo và bổ nhiệm đúng theo quy hoạch; bổ nhiệm được 1 Phó TGĐ; 02 GĐ bộ phận; 02 quyền GĐ bộ phận; 02 Phó GĐ bộ phận; 1 Phụ tá GĐ; 4 Trưởng CNXD.

- Công tác tiết kiệm, chống lãng phí được duy trì thường xuyên. Chi phí kiểm toán trong năm 2013 là 130 triệu đồng, trong năm Công ty không phát sinh các chi phí tư vấn nào liên quan đến hoạt động tài chính

- Công tác thông tin, báo cáo, quyết toán hàng kỳ đều được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch theo đúng quy định của các cơ quan ban, ngành. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố tại website Công ty theo địa chỉ www.comeco.vn và được trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên hàng năm.

II. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Năm 2013, Công ty đã tập trung rà soát để chỉnh sửa, bổ sung và ban hành một số Quy chế, Quy định phục vụ cho công tác quản lý và phát triển SXKD như : Quy định về Tiền lương cho Tổ Tiếp thị, Quy định hướng dẫn sử dụng những bộ phận chính trên xe bồn, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy chế đối thoại, Quy chế thực hiện Hội nghị NLĐ,...

- Dân chủ cơ sở được phát huy, Có 24 Giải pháp mới được xét công nhận và khen thưởng kịp thời.

- Hệ thống QTCLTD được duy trì và cải tiến, kết quả đánh giá định kỳ Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 và đánh giá tái chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004, Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp ISO 18001:2007 của Bureau Veritas Certification : Hệ thống hoạt động tốt, tiếp tục được duy trì và được cấp tái giấy chứng nhận.

- Việc làm và đời sống của toàn thể CBCNV đã được duy trì trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn như hiện nay. Không có trường hợp bị mất việc làm. Thu nhập của NLĐ ổn định. Các chế độ về tiền lương và thưởng được thực hiện kịp thời.

- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty còn tổ chức cho người lao động và thân nhân đi nghỉ dưỡng; tham quan. Chủ tịch HĐQT và Ban TGĐ Công ty đã thăm và động viên NLĐ phục vụ trong dịp Tết, giải quyết kịp thời các đề nghị chính đáng của NLĐ, tạo cho NLĐ yên tâm phục vụ và gắn bó với Công ty.

- Duy trì thường xuyên việc xây dựng Văn hóa và phát triển Thương hiệu COMECO. Việc nói lời "*cảm ơn*" khách hàng (kể cả khách hàng nội bộ) đã có nhiều tiến bộ và được khách hàng đánh giá cao.

- Cơ cấu tổ chức ngày càng được kiện toàn và phát huy tốt tính hiệu quả.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2014

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 :

- Doanh thu : 5.500 tỷ đồng (tăng 105,15% so với TH 2013 : 5.230 tỷ đ)
- Lợi nhuận sau thuế : 28 tỷ đồng (tăng 109,67% so với TH 2013 : 25,53 tỷ đ)

2. Giải pháp thực hiện :

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh :

- Tiếp tục mở rộng phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu, duy trì phong trào giới thiệu khách hàng mới, giới thiệu địa điểm cây xăng mới.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ và phát triển hệ thống đại lý xăng dầu. Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp nhu cầu.

- Phát triển và quản lý hiệu quả việc kinh doanh phiếu nhiên liệu, đẩy mạnh phát triển thanh toán qua thẻ.

- Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng để tăng sản lượng và thị phần; đồng thời tăng cường dịch vụ hậu mãi để giữ và thu hút khách hàng. Đẩy mạnh việc bán hàng trả ngay, giảm dần bán trả chậm.

- Tăng cường kiểm soát và khai thác có hiệu quả kinh doanh dịch vụ vận chuyển của xe bồn.

- Đẩy mạnh kinh doanh trụ bơm điện tử COMECO, phụ tùng thay thế và dịch vụ sửa chữa trạm xăng dầu, dịch vụ xây dựng trạm xăng dầu, kho, xưởng.

- Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, đặc biệt là phát triển các mặt hàng kinh doanh phù hợp với CNXD mới.

- Phát triển hợp tác, liên doanh khai thác kinh doanh kho bãi, dịch vụ xây dựng trạm xăng dầu.

- Duy trì và thường xuyên cải tiến Hệ thống quản trị của Công ty.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ :

- Sửa chữa các Chi nhánh xăng dầu phù hợp với các quy định của Nhà nước.

- Từng bước đầu tư thiết bị và quy trình công nghệ để chuẩn bị cho việc triển khai kinh doanh nhiên liệu sạch.

- Từng bước đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao để phục vụ cho kinh doanh, quản lý và đảm bảo an toàn PCCC.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng CNXD theo quy hoạch của Thành phố hoặc chủ động chuyển hướng kinh doanh để nâng cao hiệu quả.

- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm tin học nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng một số mặt bằng để tiếp tục đưa vào kinh doanh và liên kết kinh doanh.

- Đầu tư hỗ trợ cho khách hàng để giữ, thu hút khách hàng, đồng thời quảng bá hình ảnh Công ty, đặc biệt là hệ thống đại lý xăng dầu của COMECO.

- Triển khai áp dụng các Giải pháp mới để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3. Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực :

- Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ.

- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ.

- Tăng cường công tác đào tạo tại chỗ và mở rộng việc kiểm tra kiến thức đối với cán bộ quản lý, cán bộ trẻ.

- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám.

- Phát huy hơn nữa vai trò các đoàn thể để phát triển phong trào thi đua nhằm nâng cao năng suất lao động và phát huy dân chủ cơ sở.

- Khen thưởng động viên kịp thời NLĐ.

- Tăng cường thông tin nội bộ và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

- Phát triển Văn hóa COMECO, đặc biệt là văn hóa ứng xử.

2.4. Nhóm giải pháp về tổ chức và quản lý :

- Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ.

- Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn công việc; duy trì và phát triển các phong trào chống lãng phí, thực hành tiết kiệm để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng chuyên sâu, tinh gọn; bổ sung thêm các bộ phận chuyên môn phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.

- Xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá phát triển thương hiệu COMECO.

- Quản lý chặt chẽ công tác phòng cháy và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để đảm bảo an toàn kinh doanh.

Năm 2014, tình hình kinh doanh xăng dầu vẫn còn nhiều biến động khó lường. Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần vượt khó cùng hướng về mục tiêu chung của Công ty, nhất định tập thể CBCNV Công ty COMECO sẽ vượt qua được khó khăn, thử thách để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch và phát triển thương hiệu COMECO thực sự là thương hiệu của Chất lượng dịch vụ.

IV. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của kiểm toán :

" Như trình bày tại thuyết minh V.3 trang 17, Công ty TNHH Điện tử Hyundai có số nợ quá hạn 43,3 tỷ đồng (có thư bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Nhà Tp.HCM (HD Bank)). Hiện tại Công ty đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi nợ khoản nợ này. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 50% tương đương 21,65 tỷ đồng".

Ban Tổng Giám đốc giải trình như sau :

Năm 2012, Công ty có gặp phải một trường hợp rủi ro trong kinh doanh: khách hàng Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam (Hyundai VN) đã lợi dụng Chứng thư bảo lãnh thanh toán của ngân hàng HD Bank – Chi nhánh Thăng Long để trì hoãn việc trả nợ tiền mua xăng dầu của COMECO cụ thể như sau:

Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HĐ-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho mỗi đợt giao hàng. Hợp đồng trên được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL-HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị 50 tỷ đồng nhưng đến ngày 31/12/2012 chưa được HD Bank thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh.

Ban lãnh đạo COMECO đã nỗ lực tối đa trong việc thu hồi nợ, nhưng kết quả đạt được còn hạn chế do khách hàng thiếu thiện chí trả nợ. COMECO đã thực hiện khởi kiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) – Chi nhánh Thăng Long (Ngân hàng bảo lãnh thanh toán số tiền mua xăng dầu cho Hyundai VN) ra toà án để xử lý theo quy định của Pháp luật. Đồng thời, COMECO tiếp tục làm việc với Hyundai VN để thu hồi nợ và Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng quy định.

Phần 4
ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Các thành viên HĐQT Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc hoạch định và quản lý hoạt động của Công ty, đồng thời có sự phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành SXKD để hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

HĐQT đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng thành viên và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Trong năm 2013, HĐQT của Công ty đã tổ chức 09 phiên họp HĐQT để kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động cũng như chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của tất cả các thành viên HĐQT, thành viên BKS, của TGĐ và Thư ký Công ty.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp, kịp thời để chỉ đạo hoạt động kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD. Đồng thời tạo điều kiện cho Cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện thuận lợi chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát nhằm đảm bảo tính minh bạch cho hoạt động của Công ty.

HĐQT và Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2013 mà ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban Điều hành, các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích Công ty trong mọi hoạt động của mình.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo sát tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh của Công ty, đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng để tháo gỡ khó khăn, đưa Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGĐ :

HĐQT đã kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Ban TGĐ trong các công tác sau:

- Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch HĐQT làm việc với TGĐ để nắm sát tình hình quản lý, điều hành của TGĐ; đồng thời chỉ đạo các công việc liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT; chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Chỉ đạo TGĐ làm Báo cáo Thường niên năm 2012, đồng thời tiến hành các công tác chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2012 vào ngày 13/4/2013 thành công tốt đẹp.

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của TGĐ, đảm bảo đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch năm 2013; đồng thời thực hiện tốt các Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Chỉ đạo TGĐ quản lý chặt chẽ tình hình tài chính nói chung và các chi phí nói riêng; đưa ra các biện pháp tiết kiệm, phòng ngừa để hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. 6 tháng đầu năm và kết thúc năm 2013 Công ty đều có thực hiện kiểm tra quyết toán tài chính bởi một công ty kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)).

- Hoạt động của TGĐ luôn tuân thủ theo đúng pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

2. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty :

Cán bộ quản lý Công ty gồm có các Phó TGĐ và Kế toán trưởng.

(Điểm d, khoản 1, điều 1 của Điều lệ Công ty quy định "Cán bộ quản lý là TGĐ, Phó TGĐ, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn").

- Các cán bộ quản lý Công ty hoạt động theo sự phân công và ủy quyền của HĐQT và TGĐ.

- HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các cán bộ quản lý Công ty theo các Quy chế và Quy định đã ban hành và theo kết quả công việc được phân công.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Dự báo tình hình năm 2014 :

- Tình hình kinh tế năm 2014 của nước ta được dự báo sẽ có những khởi sắc, đang trên đà phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro, cầu tiêu dùng tăng trưởng chậm, xu hướng tiết kiệm giảm chi tiêu vẫn là chủ đạo.

- Các thị trường tài chính, bất động sản, chứng khoán chậm hồi phục.

- Năm 2014 cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm phát cao do những chính sách tháo gỡ khó khăn sản xuất kinh doanh năm 2013 chậm thực hiện.

- Nhà nước ban hành một số luật mới, tái cấu trúc doanh nghiệp, các chính sách bình ổn giá cả và các biện pháp kiểm tra, kiểm soát giá cả.

- Nghị định 84/2009/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu sẽ được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tế kinh doanh.

- Thực hiện kinh doanh xăng sinh học từ tháng 12/2014 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Lộ trình tăng lương tối thiểu vùng của Nhà nước sẽ dẫn đến chi phí BHXH, BHYT, BHTN tăng.

- Nhiều khoản chi phí khác cũng tăng cao như: giá nước, điện, chi phí cải tạo hệ thống hạ tầng (bồn , đường ống công nghệ) cho việc kinh doanh xăng sinh học từ tháng 12/2014,...

2. Mục tiêu năm 2014 :

- Tập trung sức và lực cho mảng kinh doanh xăng dầu; phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tối thiểu 5%/năm so với thực hiện năm 2013 và thực hành tiết kiệm.

- Cố gắng phát triển thêm 01 Chi nhánh xăng dầu mới. Thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước về đầu tư và xây dựng. Phát triển dịch vụ xây dựng.

- Khai thác tối đa công suất cho thuê, các mặt bằng còn trống.

- Tập trung đẩy mạnh kinh doanh trụ bơm điện tử COMECO và các dịch vụ sửa chữa trụ bơm, xe bồn,...

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt tập trung vào đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ nhằm đáp ứng nhu cầu bổ sung cán bộ quản lý của Công ty.

- Đảm bảo việc làm và đời sống cho CBCNV.

- Duy trì Hệ thống Quản trị Chất lượng toàn diện (ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007).

- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường.

- Thực hiện tốt công tác an ninh, trật tự và an toàn cháy nổ tại đơn vị để phát triển sản xuất kinh doanh và góp phần bảo vệ trật tự an toàn xã hội.

Phần 5
QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị :

1.1. Lý lịch HĐQT :

▪ **Bà Trương Đức Hạnh : Chủ tịch HĐQT – TGĐ**

Năm sinh : 13/12/1957

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD
Cử nhân chính trị

Thâm niên trong ngành : 33 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 33 năm (làm việc tại Cty từ 02/1981 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 30 năm

Từ tháng 2/1981, Bà Trương Đức Hạnh là nhân viên phòng Kế hoạch. Sau đó, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Kế hoạch tháng 2/1984; giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch tháng 9/1986. Từ tháng 12/1986 đến 5/1999, Bà giữ chức Phó Giám đốc Công ty. Từ 5/1999, Bà được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Công ty và từ tháng 12/2000 làm Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ. Tháng 4/2012, Bà tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Trần Minh Hà : Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 30/3/1960

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Cử nhân chính trị

Thâm niên trong ngành : 17 năm

Từ năm 1983, Ông Trần Minh Hà công tác tại Sở Tài chính tỉnh Cửu Long. Đến năm 1992, Ông chuyển công tác đến Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh. Năm 1994, Ông làm việc tại Ban Tài chính – Quản trị tỉnh ủy Vĩnh Long. Từ năm 1997 đến nay Ông công tác tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM, chức vụ hiện tại là Trưởng phòng Kinh doanh. Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Nguyễn Ngọc Liên : Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 16/9/1967

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
Cử nhân Anh văn

Thâm niên trong ngành : 24 năm

Từ năm 1990, Ông Nguyễn Ngọc Liên công tác tại Công ty Nhập khẩu thiết bị và Kỹ thuật Dầu khí (Petechim nay là Petec). Đến năm 1997, Ông làm việc ở Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex). Từ năm 2007 – 2008, Ông làm Giám đốc Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (thuộc PDC). Sau đó, Ông giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp Xăng dầu Dầu khí Miền Đông (thuộc PV Oil). Từ tháng 9/2011 đến nay, Ông là Trưởng Ban Sản phẩm Dầu – Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil). Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Võ Tấn Phong** : **Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 07/5/1955

Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Kinh tế
Kỹ sư Cơ khí

Thâm niên trong ngành : 31 năm

Từ năm 1983 – 1987, Ông Võ Tấn Phong là cán bộ nhập khẩu thiết bị dầu khí tại Công ty Nhập khẩu thiết bị và Kỹ thuật Dầu khí (Petechim nay là Petec). Sau đó, Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó phòng Nhập khẩu thiết bị. Năm 1989, Ông giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính – Kế toán và đến năm 1992 giữ chức vụ Trưởng phòng Kinh doanh Xăng dầu. Từ năm 1995 – 1999, Ông được Công ty Petec cử đi học cao học. Sau khi hoàn tất khóa học, Ông được bổ nhiệm chức vụ Trưởng Phòng Đầu tư. Năm 1999, Ông làm Giám đốc Công ty cho đến tháng 7/2011 thì chuyển công tác sang Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) và giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Thành viên đến nay. Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Ông Phạm Văn Thoại** : **Ủy viên HĐQT**

Năm sinh : 03/6/1964

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Dầu khí

Thâm niên trong ngành : 25 năm

Năm 1989, Ông Phạm Văn Thoại công tác tại Bộ phận Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái trực thuộc Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro). Đến năm 1991, Ông chuyển công tác sang Tổ cơ khí Nhà máy Lọc dầu Cát Lái. Từ năm 1992 – 1993, Ông được bổ nhiệm làm Tổ phó Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái và sau đó giữ chức vụ Tổ trưởng Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái vào năm 1994. Đến tháng 11/1994, Ông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái phụ trách Bộ phận Cấp phát và Kho xăng dầu Cát Lái. Từ tháng 12/2004 đến nay, Ông giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái. Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay. **(Hình)**

1.2. Cơ cấu HĐQT :

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	- UV.HĐQT Cty Cp Vận tải Việt Tín. - UV.HĐQT Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	57.250	0	TV HĐQT độc lập
2	Trần Minh Hà	Thành viên	Trưởng phòng Kinh doanh Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	1.350.200	
3	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	- Trưởng Ban Sản phẩm Dầu Tổng Cty Dầu Việt Nam - UV HĐQT Tổng Công ty TM KT & ĐT – Công ty Cp (PETEC)	0	2.000.000	
4	Võ Tấn Phong	Thành viên	- Thành viên HĐTV Tổng Cty Dầu Việt Nam - CT.HĐQT Tổng Công ty TM KT & ĐT – Công ty Cp (PETEC) - CT.HĐQT Cty Cp Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	0	2.281.950	
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	GĐ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	1.200.000	

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT : không có

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT : chưa thành lập

3. Hoạt động của HĐQT :

Trong năm 2013 có tổng cộng 09 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của tất cả các thành viên HĐQT; sự tham dự của TGĐ, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty và BKS. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên HĐQT.

3.1. Các cuộc họp của HĐQT :

SỐ TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Trương Đức Hạnh	Chủ tịch	9/9	100	
2	Trần Minh Hà	Thành viên	9/9	100	
3	Nguyễn Ngọc Liên	Thành viên	9/9	100	
4	Võ Tấn Phong	Thành viên	9/9	100	
5	Phạm Văn Thoại	Thành viên	9/9	100	

3.2. Các nội dung chính và kết quả của các cuộc họp HĐQT :

Năm 2013, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã tổ chức 09 phiên họp và thông qua các nội dung chính như sau:

SỐ NQ	NGÀY	NỘI DUNG	KẾT QUẢ THỰC HIỆN
01	29/1/2013	- Thống nhất Báo cáo Tài chính Quý IV/2012 và Báo cáo Tài chính năm 2012 của Công ty (*chưa kiểm toán*).	- Đã thực hiện
		- Thống nhất Kế hoạch Tài chính năm 2013 của Công ty.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất mức đơn giá tiền lương áp dụng trong Công ty năm 2013.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất mức đóng BHXH, BHYT, BHTN cho Người lao động trong Công ty năm 2013.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất ký hợp đồng Tổng đại lý năm 2013.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất chi cổ tức đợt 2/2012.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất thời điểm chốt danh sách cổ đông để phục vụ cho việc chi cổ tức đợt 2/2012 và ĐHĐCĐ thường niên năm 2012.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty nhiệm kỳ IV (2012-2016) năm thứ I (từ 01/5/2012 – 31/12/2012).	- Đã thực hiện
02	20/3/2013	- Thống nhất Kế hoạch chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2012.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất các văn bản gửi cổ đông tham dự Đại hội.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất các văn kiện trình ĐHĐCĐ.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất thông qua Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2012.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất bổ nhiệm ông Phạm Văn Khoa, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất thông qua việc mở Chi nhánh số 42 và cử người đứng đầu Chi nhánh.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất thông qua Báo cáo Thường niên năm 2012.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất thông qua Kế hoạch SXKD – Đầu tư năm 2013	- Đã thực hiện
		- Thống nhất tiếp tục cử các cán bộ đang đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần để tham gia HĐQT, BKS tại các đơn vị COMECO đầu tư.	- Đã thực hiện
		- Thống nhất phân công thực hiện các công việc của ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2012	- Đã thực hiện

03	03/6/2013	Thống nhất thông qua về việc thỏa thuận nguyên tắc chuyển nhượng toàn bộ số lượng 99.675 cổ phần của COMECO tại Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP Petec cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil). Ủy quyền cho TGĐ thực hiện ký hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần theo nội dung dự thảo Hợp đồng.	Đang thực hiện
04	27/6/2013	Thống nhất thông qua việc ký hợp đồng vay vốn tại các ngân hàng.	Đã thực hiện
05	22/7/2013	- Thống nhất thông qua kết quả kinh doanh 6TĐN 2013 của Công ty. - Thống nhất tỷ lệ chi cổ tức bằng tiền đợt 3/2012: 3%/VĐL; chi cổ tức bằng tiền đợt 1/2013: 7%/VĐL (Tổng số: 10%/VĐL). - Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty. - Thống nhất giải tỏa điều kiện chuyển nhượng 58.000 cổ phiếu ESOP của COMECO dùng để thưởng cho CBCNV chủ chốt năm 2009. - Thống nhất thông qua nội dung phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016), bổ sung thêm 2 nội dung theo Bản phân công nhiệm vụ trong HĐQT đính kèm. - Thống nhất thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6TĐN 2013. - Thống nhất thông qua Tờ trình về khó khăn tồn tại hiện nay để tiếp tục tiếp nhận đất nạo vét luồng Soài Rạp dự án Tổng kho COMECO. - Thống nhất số tiền phải nộp vào Kho bạc Nhà nước giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại 2 mặt bằng ở Quận 1, Tp.HCM. - Thống nhất thông qua chủ trương thực hiện Dự án đầu tư chuyển hình thức từ thuê sang giao đất đối với 3 mặt bằng. - Thống nhất giao TGĐ rà soát lại hợp đồng hợp tác kinh doanh tại các mặt bằng hợp tác kinh doanh làm CHXD, khẩn trương thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật về hợp tác kinh doanh. - Thống nhất hoán đổi mặt bằng để COMECO tiếp tục duy trì, mở rộng hoạt động Chi nhánh Xăng dầu số 32 lâu dài. - Thống nhất giao TGĐ thực hiện ngay việc hợp tác kinh doanh đối với mặt bằng CNXD số 18 và CNXD số số 21 theo đúng quy định của Pháp luật về HTKD. - Thống nhất giao TGĐ rà soát lại những công ty mà COMECO đầu tư, đồng thời đề xuất cụ thể những công ty nên thoái vốn và thời điểm thoái vốn phù hợp để trình HĐQT xem xét sao cho có hiệu quả nhất.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đã thực hiện - Đang thực hiện - Đang thực hiện - Đang thực hiện - Đã thực hiện - Đang thực hiện
06	16/9/2013	- Thống nhất không thực hiện quyền mua 279.290 cổ phần do Cty Cp Cơ khí – Điện Lữ Gia (LGC) phát hành thêm (từ 15/8/2013 - 07/10/2013) để tăng vốn điều lệ của LGC. - Thống nhất thông qua Tờ trình về hợp đồng hợp tác kinh doanh CNXD số 31.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện
07	28/10/2013	Thống nhất điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2013.	Đã thực hiện
08	11/11/2013	- Thống nhất thông qua "Tờ trình về thay đổi giá trị tài sản bán cho SAIGONBUS và khoản lợi nhuận COMECO chuyển cho SAIGONBUS" với một số nội dung chính về Hợp đồng Hợp tác kinh doanh CNXD số 31. - Thống nhất thông qua "Tờ trình về sửa chữa lớn CNXD số 18" để đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn theo Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/5/2012 của UBND Thành phố.	- Đã thực hiện - Đã thực hiện

		- Thống nhất thông qua Quy định quản lý vốn của Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu (COMECO) đầu tư vào doanh nghiệp khác và cho ban hành để Công ty thực hiện.	- Đã thực hiện
09	12/12/2013	Thống nhất thông qua Tờ trình về bán cổ phiếu thuộc sở hữu của COMECO tại các Công ty LGC, PNJ và SSI.	Đã thực hiện

4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập :

Xét theo 5 điều kiện của thành viên HĐQT độc lập trong Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính thì HĐQT của COMECO có 1 thành viên đáp ứng theo quy định. Đó là Bà Trương Đức Hạnh – Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016).

Chủ tịch HĐQT – thành viên HĐQT độc lập hoạt động theo quy định của pháp luật, theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo các quy định khác của Công ty.

HĐQT nhiệm kỳ IV (2012 – 2016) đã phân công nhiệm vụ cho Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT (Nghị quyết 13-12/NQ-HĐQT ngày 29/6/2012) như sau :

- Lãnh đạo, điều hành chung hoạt động của HĐQT.

- Quản lý chung các hoạt động kinh doanh của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT.

- Quản lý, giám sát chung công tác nhân sự và công tác quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực.

Năm 2013, với vai trò là thành viên HĐQT độc lập, Bà Trương Đức Hạnh - Chủ tịch HĐQT đã tổ chức tốt các phiên họp định kỳ và đột xuất để triển khai toàn bộ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT : đưa ra các định hướng, chủ trương đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch, công khai. Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện một cách khách quan giúp hoạt động của HĐQT ngày càng hiệu quả hơn cũng như bảo vệ sự công bằng cho cổ đông nhỏ và quyền lợi của cổ đông.

Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch HĐQT làm việc với TGĐ để trực tiếp đưa ra những chỉ đạo trong công tác SXKD và quản lý. Chủ tịch cùng với các thành viên HĐQT khác đã giám sát hoạt động của TGĐ để TGĐ thực hiện tốt các Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Chủ tịch HĐQT cũng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho TGĐ thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành Công ty hoàn thành kế hoạch năm 2013.

5. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT : chưa thành lập

6. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGĐ đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty : 9/9 người.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát :

1.1. Lý lịch BKS :

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành :

▪ **Ông Lê Văn Nghĩa** : **Trưởng BKS**

Năm sinh : 05/7/1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.

Thâm niên trong ngành : 4 năm

Từ tháng 5/1990, Ông Lê Văn Nghĩa công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86). Tháng 10/2000, Ông chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp.HCM. Từ tháng 5/2007, Ông làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh HCM), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro. Tháng 9/2010, Ông làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh HCM) với chức danh Phó GĐ cho đến tháng 02/2011. Sau đó, Ông công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ; đến tháng 8/2012, Ông được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Ban Kiểm soát Nội bộ cho đến nay. Tháng 4/2012, Ông được bầu làm Trưởng BKS COMECO cho đến nay. Trong năm 2013 Ông đã tham gia khóa Phân tích môi trường kinh doanh và Quản trị Rủi ro được tổ chức từ ngày 12 – 15/3. **(Hình)**

▪ **Bà: Trần Thị Phương Khanh : Ủy viên BKS.**
Năm sinh : 21/9/1973
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán,
Cử nhân Luật.
Thâm niên trong ngành : 15 năm

Từ năm 1995 – 1999, Bà Trần Thị Phương Khanh làm Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán A&C. Sau đó, Bà chuyển công tác đến Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.HCM với chức danh nhân viên Kế toán. Năm 2001, Bà được bổ nhiệm làm Phó phòng Kế toán cho đến nay. Tháng 4/2012, Bà được bầu làm ủy viên BKS COMECO cho đến nay. **(Hình)**

▪ **Bà Nguyễn Cát Phương Yên : Ủy viên BKS.**
Năm sinh : 25/10/1983
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Anh Văn,
Cử nhân QTKD.
Thâm niên trong ngành : 5 năm
Thời gian gắn bó với Công ty : 5 năm (làm việc tại Công ty từ 6/2009 đến nay)

Từ tháng 8/2007 – 8/2008, Bà Nguyễn Cát Phương Yên là nhân viên điều phối Marketing, Công ty TNHH Sơn Seamaster (Việt Nam). Từ tháng 9/2008 – 5/2009, Bà làm việc tại Công ty TNHH Tài Ngân với chức danh Trợ lý kinh doanh. Tháng 6/2009, Bà tham gia vào Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO), là nhân viên Quản trị chất lượng toàn diện (QTCLTD). Tháng 4/2011, Bà được bổ nhiệm làm Trợ lý HĐQT. Tháng 4/2012, Bà được bầu làm ủy viên BKS COMECO, Phó Ban QTCLTD (tháng 12/2013) và Thư ký Công ty cho đến nay. **(Hình)**

1.2. Cơ cấu BKS :

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
1	Lê Văn Nghĩa	Trưởng ban	Trưởng Ban KS nội bộ Tổng Cty Dầu Việt Nam	10	0
2	Trần Thị Phương Khanh	Thành viên	Phó phòng TCKT Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM	0	1.200.000
3	Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên		0	0

2. Hoạt động của BKS :

Năm 2013, BKS đã tiến hành thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tập hợp toàn bộ các Quy chế, Quy định hiện hữu được ban hành bởi HĐQT và Ban Điều hành đang áp dụng tại Công ty. Trên cơ sở các đó, BKS nghiên cứu và góp ý cùng với Ban điều hành từng bước hoàn thiện các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Thẩm tra lại Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), đồng thời đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013.

- Tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT cùng với Ban điều hành, qua đó nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động SXKD của Công ty. BKS kịp thời có ý kiến góp ý về phương hướng hoạt động, về việc chấp hành luật pháp, chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Phối hợp với Ban điều hành trong công tác rà soát kiểm tra tính pháp lý của các hợp đồng bán hàng, việc thực hiện và quản lý công nợ bán hàng, việc thực hiện và chấp hành các chính sách bán hàng, công tác quản lý hàng hóa và quyết toán chi phí, xem xét kế hoạch đầu tư và tình hình thực hiện đầu tư về tính pháp lý, hiệu quả và tình hình cân đối nguồn vốn.

- Thường xuyên theo dõi, rà soát xem xét tính hợp lý, hợp pháp của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT, nhằm bảo đảm sự hợp lý, đúng đắn và vì quyền lợi của Công ty. Kiểm tra giám sát các quy định nội bộ hiện hành để kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh doanh trong bối cảnh hiện nay và các quy định của pháp luật.

- Hàng quý tổ chức họp BKS, soát xét Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD (trong năm 2013 BKS đã tiến hành 4 cuộc họp).

3. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát :

3.1. Về công tác kế toán – tài chính :

- Sau khi xem xét, thẩm tra, BKS đồng ý với Báo cáo kiểm toán số 42/BCKT/TC ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (đính kèm).

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2. Về hoạt động của HĐQT và TGĐ :

3.2.1 HĐQT :

- HĐQT đã tổ chức triển khai toàn bộ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và ban hành các Nghị quyết chỉ đạo thực hiện đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT; có nội dung phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- BKS nhận định HĐQT trong năm 2013 đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình theo Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

3.2.2 Ban điều hành :

- Công tác quản lý và điều hành của Ban điều hành Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- BKS nhận định trong năm 2013, Ban điều hành đã thể hiện rõ nỗ lực rất lớn trong việc dẫn dắt Công ty vượt qua những khó khăn, thách thức của nền kinh tế cả nước nói chung và trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu nói riêng; kết quả Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao trong năm 2013.

III. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGĐ

- HĐQT, BKS và Ban TGĐ Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Trong các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia của đầy đủ của các thành viên BKS, TGĐ , Phó TGĐ – Trợ lý Chủ tịch HĐQT và Thư ký Công ty. Các ý kiến thảo luận của BKS, TGĐ đều được ghi nhận và đánh giá cao tinh thần góp ý cho các hoạt động của Công ty.

- Những nội dung Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến hoạt động của BKS và điều hành của Ban TGĐ được gửi đến BKS và Ban TGĐ để cùng phối hợp thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS và Ban TGĐ có quyền và có trách nhiệm đề xuất với HĐQT những giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Ban TGĐ thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty kịp thời cho HĐQT ra các Nghị quyết thực hiện hiệu quả.

IV. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGĐ VÀ BKS

1. Thù lao cho HĐQT và BKS :

Năm 2013 đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 13-4-2013 như sau :

- Thù lao cho HĐQT	: 300.000.000 đ (BQ : 5 triệu đồng/người/tháng)
- Thù lao cho BKS	: 108.000.000 đ (BQ : 3 triệu đồng/người/tháng)
Tổng cộng năm 2013	**: 408.000.000 đ.**

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan :

ĐVTính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2013	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2013	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
I	**Hội Đồng Quản Trị**			**7.338.900**	**650**	**86.000**	**7.253.550**	**51,37**	
1	Trương Đức Hạnh	CT HĐQT		142.600	650	86.000	57.250	0,41	
	Cá nhân								
	Trương Kỳ Đức		Cha ruột						
	Lê Thị Thanh Quí		Mẹ ruột						Đã mất
	Trương Đức Thọ		Em ruột						Đã mất
	Trương Đức Phượng		Em ruột	364.150	0	0	364.150	2,58	
	Nguyễn Quốc Hải		Con ruột						
	Nguyễn Quốc Việt		Con ruột						
	Tổ chức								
	Cty Cp Vận tải Việt Tín	UV. HĐQT							
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	UV.HĐQT							
2	**Trần Minh Hà**	**UV.HĐQT**		1.350.200	0	0	1.350.200	9,56	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Trần Văn Hoàng		Cha ruột						
	Lê Thị Ngọc Huệ		Mẹ ruột						
	Trần Minh Hải		Anh ruột						
	Trần Thị Ngọc Bích		Em ruột						
	Nguyễn Thị Minh Đức		Vợ						
	Trần Minh Duy		Con ruột						
	Trần Minh Đức Duy		Con ruột						
	Tổ chức								
	Cty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (*)	TP. Kinh doanh		4.550.650	23.980	0	4.574.630	32,40	
3	**Nguyễn Ngọc Liên**	**UV.HĐQT**		2.000.000	0	0	2.000.000	14,16	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Nguyễn Ngọc Cư		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Mẹ ruột						
	Nguyễn Thị Việt Nga		Em ruột						
	Nguyễn Thị Thu Thanh		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Liên Anh		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Anh		Con ruột						
	Tổ chức								
	Tổng công ty Dầu VN (**)	Trưởng Ban SP Dầu		4.955.840	214.070	0	5.169.910	36,61	
	Tổng Cty TM KT & ĐT – Cty Cp Petec	UV.HĐQT							
4	**Võ Tấn Phong**	**UV.HĐQT**		2.281.950	0	0	2.281.950	16,16	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Võ Thị Hớn		Mẹ ruột						
	Võ Tấn Cảnh		Em ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2013	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2013	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Mai Quốc Hoa		Vợ						
	Võ Mai Trung		Con ruột						
	Võ Mai Đức Anh		Con ruột						
	Tổ chức								
	Tổng công ty Dầu VN (**)	Thành viên HĐTV		4.955.840	214.070	0	5.169.910	36,61	
	Tổng Cty TM KT & ĐT – Cty Cp Petec	CT.HĐQT							
	Cty CP Sản xuất và Chế biến dầu khí Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT							
5	**Phạm Văn Thoại**	**UV.HĐQT**		1.200.000	0	0	1.200.000	8,50	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Phạm Văn Hoa		Cha ruột						Đã mất
	Đoàn Thị Bon		Mẹ ruột						
	Phạm Văn Thông		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thái		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thúy		Chị ruột						
	Phạm Văn Thành		Anh ruột						
	Phạm Thị Hồng Thoa		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Văn Thắng		Em ruột						
	Phạm Thị Phương Thảo		Em ruột						
	Ng Thị Hồng Hạnh		Vợ						
	Phạm Gia Bảo		Con ruột						
	Tổ chức								
	Cty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (*)	GĐ NM Lọc dầu Cát Lái		4.550.650	23.980	0	4.574.630	32,40	
II	**Ban TGĐ, Người công bố thông tin**			**207.480**	**600**	**0**	**208.080**	**1,473**	
1	**Lê Tấn Thương**	**TGĐ**		68.470	350	0	68.820	0,487	
	Lê Phùng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Lê Thị Vân		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,27	
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
2	**Trần Thị Hồng Lĩnh**	**Phó TGĐ, người CBTT**		85.920	250	0	86.170	0,610	
	Trần Quang Kéo		Cha ruột						
	Lê Thị Kim Lụa		Mẹ ruột						
	Trần Thị Hồng Thái		Em ruột						
	Trần Quốc Nguyên		Em ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2013	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2013	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Trần Thị Thanh Kim		Em ruột						
	Trần Thị Hồng Chi		Em ruột						
	Trần Thị Thanh Nam	Phó CN 4	Em ruột	90	0	0	90	0,001	
	Trần Thị Tố Như	Phó GĐNS	Con ruột	11.860	0	0	11.860	0,084	
3	**Phạm Văn Khoa**	**Phó TGĐ**		1.950	0	0	1.950	0,014	
	Phạm Văn Chánh		Cha ruột						
	Thái Ca Siêu		Mẹ ruột						
	Lê Thị Hồng Anh		Vợ	280	0	0	280	0,002	
	Phạm Lê Anh Khôi		Con ruột						
	Phạm Thị Hạnh Khuê		Con ruột						
	Phạm Thị Kim Hồng		Chị ruột						
	Phạm Thị Kim Nhung		Chị ruột						
	Phạm Công Sứ		Anh ruột						
	Phạm Công Sở		Anh ruột						
	Phạm Công Huẩn		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Thủy		Chị ruột						
	Thái Thị Hồng Lan		Chị						
	Phạm Thị Lan Anh		Chị ruột						
	Phạm Văn Học		Em ruột						
III	**Kế toán trưởng**			**100.005**	**250**	**0**	**100.255**	**0,710**	
1	**Phạm Công Quyền**	**GĐTC – KTT**		100.005	250	0	**100.255**	0,710	
	Cá nhân								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Thị Phượng		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Vũ Bích Ngọc		Vợ						
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	Tổ chức								
	Cty Cp Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	Trưởng BKS							
IV	**Ban Kiểm Soát, Thư ký Công ty**			**1.200.010**	**0**	**0**	**1.200.010**	**0,00007**	
1	**Lê Văn Nghĩa**	**Trưởng BKS**		10	0	0	10	0,00007	
	Cá nhân								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						Đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						
	Lê Thị Liên		Chị ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2013	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2013	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Lê Văn Quân		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	Tổ chức								
	Tổng Công ty Dầu VN (**)	Trưởng Ban KS nội bộ		4.955.840	214.070	0	5.169.910	36,61	
2	**Trần Thị Phương Khanh**	**UV.BKS**		1.200.000	0	0	1.200.000	8,50	Đại diện sở hữu
	Cá nhân								
	Trần Văn Trọng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Lài		Mẹ ruột						
	Trần Thị Phương Thảo		Chị ruột						
	Trần Thị Phương Dung		Em ruột						
	Đoàn Thanh Việt		Chồng						
	Đoàn Khánh Quỳnh		Con ruột						
	Đoàn Hải Đăng		Con ruột						
	Tổ chức								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (*)	Phó phòng TCKT		4.550.650	23.980	0	4.574.630	32,40	
	Công ty CP Dầu khí Saigon Phú Yên	Trưởng Ban Kiểm soát							
3	**Ng Cát Phương Yên**	**UV.BKS, Thư ký Cty**	0	0	0	0	0		
	Nguyễn Minh Thuấn		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Đẹp		Mẹ ruột						
	Nguyễn Vĩnh Duy		Anh ruột						
	Nguyễn Trọng Tuyên		Em ruột						
	Nguyễn Đắc Luân		Em ruột						
	TỔNG CỘNG (I+...+IV)			**8.846.395**	**1.500**	**86.000**	**8.761.895**	**62,05**	

Ghi chú:

- (*) : Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng 4.574.630 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Trần Minh Hà (UV.HĐQT COMECO) 1.350.200 cp, ông Phạm Văn Thoại (UV.HĐQT COMECO) 1.200.000 cp, bà Trần Thị Phương Khanh (UV.BKS COMECO) 1.200.000 cp; số còn lại (824.430 cp) Saigon Petro không ủy quyền.
- (**): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) sở hữu tổng số 5.169.910 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Nguyễn Ngọc Liên (UV.HĐQT COMECO) 2.000.000 cp, ông Võ Tấn Phong (UV.HĐQT COMECO) 2.281.950; số còn lại (887.960 cp) PV Oil không ủy quyền.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ : Không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty : Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

Phần 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 17 ngày 27/05/2013.

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, áptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ôtô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ôtô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán môtô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trương Đức Hạnh	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Liên	Ủy viên
Ông Võ Tấn Phong	Ủy viên

Ông Phạm Văn Thoại	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Nguyên Triệu	Phó Tổng Giám đốc	đã mất ngày 23/7/2013
Bà Trần Thị Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	từ ngày 01/4/2013

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Nghĩa	Trưởng ban
Bà Trần Thị Phương Khanh	Thành viên
Bà Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2014
Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch
(đã ký)

Trương Đức Hạnh

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2014
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
(đã ký)

Lê Tấn Thương

Số : 42 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2013
của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO), được lập ngày 20/01/2014, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh V.3 trang 17, Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam có số nợ quá hạn 43,3 tỷ đồng (có thư bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank)). Hiện tại Công ty đang tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi nợ khoản nợ này. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 50% tương đương 21,65 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc
(đã ký)

Nguyễn Thị Lan
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0167-2013-152-1

Kiểm toán viên
(đã ký)

Cao Thị Hồng Nga
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0613-013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. Tài sản ngắn hạn	100		**324.078.103.587**	**372.201.931.013**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	**28.375.750.597**	**56.543.233.267**
1. Tiền	111		28.375.750.597	56.543.233.267
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	**15.058.649.800**	**53.987.552.400**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.846.934.000	72.315.031.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.788.284.200)	(18.327.478.600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	**50.252.600.388**	**52.297.810.977**
1. Phải thu khách hàng	131		63.867.296.388	65.316.092.558
2. Trả trước cho người bán	132		6.784.082.000	1.996.819
3. Các khoản phải thu khác	135		1.256.686.000	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(21.655.464.000)	(13.020.278.400)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	**208.497.766.903**	**191.984.540.779**
1. Hàng tồn kho	141		208.497.766.903	191.984.540.779
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		**21.893.335.899**	**17.388.793.590**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.131.218.898	391.717.540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.218.734.907	15.134.314.482
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.543.382.094	1.862.761.568
B. Tài sản dài hạn	200		**273.713.170.949**	**234.409.397.990**
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		**258.575.430.541**	**231.263.397.990**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	111.942.614.638	117.805.727.006
- Nguyên giá	222		159.783.181.241	163.494.094.647
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(47.840.566.603)	(45.688.367.641)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	40.977.042.293	33.130.312.181
- Nguyên giá	228		45.228.002.843	36.531.617.280
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(4.250.960.550)	(3.401.305.099)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	105.655.773.610	80.327.358.803
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	**12.747.740.408**	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.000.000.000	
2. Đầu tư dài hạn khác	258		12.000.000.000	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(9.252.259.592)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		**2.390.000.000**	**3.146.000.000**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.890.000.000	2.646.000.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		500.000.000	500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**597.791.274.536**	**606.611.329.003**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. Nợ phải trả	300		**237.713.279.181**	**249.386.227.973**
I. Nợ ngắn hạn	310		**235.491.122.938**	**245.783.871.099**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	205.900.000.000	136.600.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		2.993.323.501	83.094.708.617
3. Người mua trả tiền trước	313		7.164.556.159	10.527.581.093
4. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	314	V.12	2.586.767.892	3.920.694.238
5. Phải trả công nhân viên	315		9.201.967.779	6.326.769.233
6. Phải trả nội bộ	317		55.401.755	55.401.755
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	6.384.908.634	3.918.627.238
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.204.197.218	1.340.088.925
II. Nợ dài hạn	330		**2.222.156.243**	**3.602.356.874**
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.352.425.005	1.685.532.780
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	869.731.238	1.916.824.094
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
B. Vốn chủ sở hữu	400		**360.077.995.355**	**357.225.101.030**
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	**360.077.995.355**	**357.225.101.030**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		138.228.344.134	138.228.344.134
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		20.372.713.911	19.325.621.055
4. Cổ phiếu quỹ	414		(14.946.154.700)	(14.946.154.700)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.162.273.807	41.936.024.505
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.630.302.584	9.139.802.863
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.424.235.619	22.335.183.173
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**597.791.274.536**	**606.611.329.003**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(đã ký)	*(đã ký)*	*(đã ký)*
Nguyễn Hữu Hoàng	Phạm Công Quyền	Lê Tấn Thương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	5.230.732.237.405	4.956.450.637.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**5.230.732.237.405**	**4.956.450.637.718**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.02	5.077.814.599.137	4.808.992.378.647
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**152.917.638.268**	**147.458.259.071**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.744.953.720	3.197.134.698
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	15.379.719.283	9.874.625.973
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*5.560.773.091*	*6.904.352.732*
8. Chi phí bán hàng	24		93.149.038.833	85.052.637.570
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.318.882.275	23.893.985.427
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**30.814.951.597**	**31.834.144.799**
11. Thu nhập khác	31		2.393.002.457	397.800.000
12. Chi phí khác	32		508.317.834	286.409.514
13. Lợi nhuận khác	**40**		**1.884.684.623**	**111.390.486**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**32.699.636.220**	**31.945.535.285**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.05	7.168.902.205	7.420.549.247
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**25.530.734.015**	**24.524.986.038**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.06	**1.857**	**1.784**

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(đã ký)	*(đã ký)*	*(đã ký)*
Nguyễn Hữu Hoàng	**Phạm Công Quyền**	**Lê Tấn Thương**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**32.699.636.220**	**31.945.535.285**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.766.140.761	6.046.624.087
- Các khoản dự phòng	03	3.348.250.792	15.482.948.126
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.708.225.279)	(3.009.539.281)
- Chi phí lãi vay	06	5.560.773.091	6.904.352.732
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	**40.666.575.585**	**57.369.920.949**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.355.015.962)	19.691.638.321
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(16.513.226.124)	(149.449.213.910)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(78.623.459.276)	60.631.203.335
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	840.783.934	1.446.725.890
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.560.773.091)	(6.904.352.732)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.496.222.533)	(7.488.881.374)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.252.921.753)	(8.344.988.407)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**(81.294.259.220)**	**(33.047.947.928)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(34.266.545.443)	(22.625.243.605)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	22	569.952.398	397.800.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	32.929.567.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.040.889.720	2.863.122.896
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**4.273.863.675**	**(29.364.320.709)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.696.800.000.000	2.067.402.400.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.627.500.000.000)	(1.964.802.400.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.447.087.125)	(21.786.768.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	**48.852.912.875**	**80.813.231.400**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**(28.167.482.670)**	**18.400.962.763**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**56.543.233.267**	**38.142.270.504**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**28.375.750.597**	**56.543.233.267**

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(đã ký)	*(đã ký)*	*(đã ký)*
Nguyễn Hữu Hoàng	Phạm Công Quyền	Lê Tấn Thương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09/08/2000 của Thủ Tướng Chính Phủ. Giấy đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13/12/2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 16 ngày 27/05/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, áptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ôtô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ôtô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán môtô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định như sau : Hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền, vật tư theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết vì không có đủ các thông tin cần thiết để lập dự phòng nên công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này. Ban Tổng giám đốc Công ty tin rằng các khoản dự phòng đối với các khoản đầu tư này, nếu có, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóacác khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

12. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	2.830.981	114.606.951
Tiền gửi ngân hàng	22.913.826.046	44.649.882.255
Tiền đang chuyển	5.459.093.570	11.778.744.061
Cộng	**28.375.750.597**	**56.543.233.267**

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	18.846.934.000	72.315.031.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.788.284.200)	(18.327.478.600)
Cộng	**15.058.649.800**	**53.987.552.400**

(*) Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán :

Loại cổ phiếu	31/12/2013 Số cổ phần	31/12/2013 Giá trị đầu tư	01/01/2013 Số cổ phần	01/01/2013 Giá trị đầu tư
Công ty CP cà phê Petec	43.800	444.000.000	43.800	444.000.000
Công ty CP Vật tư Xăng dầu Petec	26.990	272.599.000	26.990	272.599.000
Công ty CP Bến xe Miền tây (WCS)	44.300	775.250.000	44.300	775.250.000
Công ty CP XNK Thủ Đức (TMC)	264.752	5.775.685.000	264.752	5.775.685.000
Công ty CP CK ô tô Cần Thơ	-	-	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Cơ Khí Xăng dầu (PMS)	176.942	3.989.625.000	176.942	3.989.625.000
Công ty CP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	321.000	18.189.500.000
Công ty CP cơ khí Lữ Gia (LGC)	-	-	279.290	7.108.897.000
Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	237.504	3.450.000.000	196.350	3.450.000.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	-	-	162.000	6.169.700.000
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	5.133	46.600.000	5.133	46.600.000
Công ty CP Vận Tải Việt Tín	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cp Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC	99.675	2.093.175.000	99.675	2.093.175.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Miền Nam	-	-	1.000.000	10.000.000.000
Cộng		**18.846.934.000**		**72.315.031.000**

Ghi chú: Mệnh giá của các cổ phiếu trên là 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng (*)	63.867.296.388	65.316.092.558
Trả trước cho người bán	6.784.082.000	1.996.819
Các khoản phải thu khác	1.256.686.000	-
+ Phải thu tiền bán chứng khoán	*1.256.686.000*	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(21.655.464.000)	(13.020.278.400)
Cộng	**50.252.600.388**	**52.297.810.977**

(*) Trong đó: phải thu Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam 43.310.928.000 đồng đã quá hạn thanh toán từ cuối tháng 3 năm 2012.

Theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HĐ-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho mỗi đợt giao hàng. Hợp đồng trên được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL-HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị 50 tỷ đồng nhưng đến ngày 31/12/2012 chưa được HD Bank thanh toán thay như cam kết trong thư bảo lãnh. Hiện tại Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) đang tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để thu hồi số nợ trên. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đã trích lập 50% dự phòng phải thu khó đòi số nợ trên.

4. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Hàng mua đang đi đường	182.168.925.353	151.343.144.776
Nguyên liệu, vật liệu	-	335.223.351
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	660.270.294	-
Hàng hóa	25.668.571.256	40.306.172.652
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**208.497.766.903**	**191.984.540.779**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	208.497.766.903	191.984.540.779

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng công trình tổng kho xăng dầu	73.363.766	73.363.766
Tạm ứng công trình cao ốc COMECO	69.872.000	69.872.000
Tạm ứng mua đất CN 37	-	917.062.500
Tạm ứng đóng thuế CN 39	-	527.000.000
Tạm ứng thi công trạm XD số 13 SFC	352.573.753	-
Tạm ứng thi công trạm XD số 9 SFC	436.962.824	-
Tạm ứng thi công CN XD số 18	750.874.874	-
Các khoản tạm ứng khác	859.734.877	275.463.302
Cộng	**2.543.382.094**	**1.862.761.568**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	**127.483.905.769**	**13.211.049.528**	**18.034.703.558**	**4.764.435.792**	**163.494.094.647**
Số tăng trong năm	-	241.745.073	-	-	241.745.073
- Mua trong năm	-	241.745.073	-	-	241.745.073
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.863.694.679	877.193.144	-	1.211.770.656	3.952.658.479
Số giảm trong năm	256.346.054	234.476.987	-	92.084.290	582.907.331
- Thanh lý, nhượng bán	1.607.348.625	642.716.157	-	1.119.686.366	3.369.751.148
Số dư cuối năm	**125.620.211.090**	**12.575.601.457**	**18.034.703.558**	**3.552.665.136**	**159.783.181.241**
Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	**20.152.425.769**	**11.145.691.415**	**12.133.370.269**	**2.256.880.188**	**45.688.367.641**
Số tăng trong năm	3.043.320.037	461.348.566	1.009.622.599	402.194.108	4.916.485.310
- Khấu hao trong năm	3.043.320.037	461.348.566	1.009.622.599	402.194.108	4.916.485.310
Số giảm trong năm	1.248.352.452	549.064.028	-	966.869.868	2.764.286.348
- Thanh lý, nhượng bán	86.421.177	40.315.025	-	92.084.290	218.820.492
- Chuyển sang CCDC	1.161.931.275	508.749.003	-	874.785.578	2.545.465.856
Số dư cuối năm	**21.947.393.354**	**11.057.975.953**	**13.142.992.868**	**1.692.204.428**	**47.840.566.603**
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu năm	**107.331.480.000**	**2.065.358.113**	**5.901.333.289**	**2.507.555.604**	**117.805.727.006**
Tại ngày cuối năm	**103.672.817.736**	**1.517.625.504**	**4.891.710.690**	**1.860.460.708**	**111.942.614.638**

** Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.566.687.110 đồng (31/12/2012: 22.511.956.857 đồng).*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	**36.531.617.280**	-	**36.531.617.280**
Số tăng trong năm	**8.396.385.563**	**300.000.000**	**8.696.385.563**
- Mua trong năm	8.396.385.563	300.000.000	**8.696.385.563**
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**44.928.002.843**	**300.000.000**	**45.228.002.843**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	**3.401.305.099**	-	**3.401.305.099**
Số tăng trong năm	**821.530.451**	**28.125.000**	**849.655.451**
- Khấu hao trong năm	821.530.451	28.125.000	849.655.451
Số giảm trong năm	-		-
Số dư cuối năm	**4.222.835.550**	**28.125.000**	**4.250.960.550**
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu năm	**33.130.312.181**	-	**33.130.312.181**
Tại ngày cuối năm	**40.705.167.293**	**271.875.000**	**40.977.042.293**

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Dự án Tổng kho xăng dầu Nhơn Trạch - Đồng Nai	60.642.101.330	59.571.067.737
Văn phòng 11 Cao Bá Nhạ	15.727.850.511	-
Nhà 85 Nguyễn Cư Trinh	9.350.684.432	-
Nhà 25/20 Cống Quỳnh	3.621.965.217	-
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 38	-	7.479.323.063
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 39	13.528.402.152	11.794.721.152
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 41	181.151.393	-
Công trình cửa hàng xăng dầu CH 42	537.630.533	-
Chi phí xây dựng dở dang khác	2.065.988.042	1.482.246.851
Cộng	**105.655.773.610**	**80.327.358.803**

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)	10.000.000.000	-
+ Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác (**)	12.000.000.000	-
+ Công ty CP CK ô tô Cần Thơ (200.000 cp)	2.000.000.000	-
+ Công ty CP Vận Tải Việt Tín (1.000.000 cp)	10.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (**)	(9.252.259.592)	-
Cộng	**12.747.740.408**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311278294 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 21/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp thì Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam với số tiền 10 tỷ đồng, tương đương 20% vốn điều lệ.

(**) Công ty đã lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn trên dựa trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2012 của các công ty được đầu tư. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2013 của các công ty đầu tư trên.

10. Chi phí trả trước dài hạn	**31/12/2013** VND	**01/01/2013** VND
Chi phí tiền thuê mặt bằng trả trước	1.890.000.000	2.646.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	**1.890.000.000**	**2.646.000.000**

11. Vay và nợ ngắn hạn	**31/12/2013** VND	**01/01/2013** VND
Vay ngắn hạn	205.900.000.000	136.600.000.000
Ngân hàng ANZ - chi nhánh Hồ Chí Minh (*)	*104.900.000.000*	*96.600.000.000*
Shinhan Bank Việt Nam (**)	*60.000.000.000*	-
Ngân hàng NATIXIS - chi nhánh Hồ Chí Minh (***)	*41.000.000.000*	-
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	-	*40.000.000.000*
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	**205.900.000.000**	**136.600.000.000**

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng ANZ Việt Nam theo các giấy nhận nợ ngày 26/12/2013, 27/12/2013 và 31/12/2013. Thời hạn vay là 7 ngày, lãi suất vay là 6,3%/năm. Phương thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(**) Vay ngắn hạn Shinhan Bank Việt Nam theo Khế ước nhận nợ ngày 12/12/2013. Thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất vay là 5,35%/năm. Phương thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(***) Vay ngắn hạn Ngân hàng NATIXIS - chi nhánh Hồ Chí Minh theo Khế ước nhận nợ ngày 31/12/2013. Thời hạn vay là 2 tháng, lãi suất vay là 6,3%/năm. Phương thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	**31/12/2013** VND	**01/01/2013** VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	682.283.325	825.866.569
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.422.227.656	2.749.547.984
Thuế thu nhập cá nhân	168.566.324	31.589.098
Thuế nhà đất	313.690.587	313.690.587
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	**2.586.767.892**	**3.920.694.238**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	398.391.969	203.864.575
Cổ tức phải trả	190.346.175	29.530.800
Nhựa đường OECF	-	1.763.893.577
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.796.170.490	1.921.338.286
Cộng	**6.384.908.634**	**3.918.627.238**

14. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn khác (*)	869.731.238	1.916.824.094
Cộng	**869.731.238**	**1.916.824.094**

(*) Vay dài hạn đối tượng khác là khoản tiền tài trợ của ESSO, công ty dùng để đầu tư tài sản và nâng cấp các trạm xăng dầu. Khoản tiền này được giảm hàng năm để tăng vốn theo công văn số 5565/UB-QLĐT ngày 24/12/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và công văn số: 1765/CQL ngày 26/12/1996 của Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền tăng vốn tương ứng với khấu hao các tài sản đầu tư hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	**141.206.280.000**	**138.228.344.134**	**18.278.528.199**	**(14.946.154.700)**	**38.608.862.280**	**7.476.221.750**	**28.983.437.056**
Lợi nhuận tăng trong năm							24.524.986.038
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			1.047.092.856				-
Chia cổ tức đợt 3 năm 2011							(12.375.787.500)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2012							(9.625.612.500)
Trích các quỹ					3.327.162.225	1.663.581.113	(8.317.905.563)
Trích khen thưởng HĐQT, BGĐ							(13.580.000)
Thù lao HĐQT và ban kiểm soát							(318.500.000)
Tăng khác							214.631.400
Giảm khác							(736.485.758)
Số dư cuối năm trước	**141.206.280.000**	**138.228.344.134**	**19.325.621.055**	**(14.946.154.700)**	**41.936.024.505**	**9.139.802.863**	**22.335.183.173**
Lợi nhuận tăng trong năm							25.530.734.015
Tăng từ nguồn tài trợ của ESSO			1.047.092.856				-
Chia cổ tức đợt 2,3/2012 và đợt 1/2013							
Trích quỹ đầu tư phát triển 2012					1.226.249.302		(1.226.249.302)
Trích quỹ dự phòng tài chính 2012							490.499.721
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2012							(508.000.000)
Thù lao HĐQT và ban kiểm soát							(156.531.442)
Giảm khác							
Số dư cuối năm nay	**141.206.280.000**	**138.228.344.134**	**20.372.713.911**	**(14.946.154.700)**	**43.162.273.807**	**9.630.302.584**	**22.424.235.619**

Ghi chú:

- Vốn khác của chủ sở hữu gồm nguồn quỹ đầu tư phát triển, nguồn tài trợ của ESSO.
- Cổ phiếu quỹ của công ty: Số lượng 369.753 cổ phiếu (tương đương 14.946.154.700 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ %	31/12/2013 VND	Tỷ lệ %	01/01/2013 VND
Vốn góp của Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	32,40%	45.746.300.000	32,23%	45.506.500.000
Vốn góp của Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	36,61%	51.699.100.000	35,10%	49.558.400.000
Vốn góp của các đối tượng khác	30,99%	43.760.880.000	32,68%	46.141.380.000
Cộng	**100%**	**141.206.280.000**	**100%**	**141.206.280.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp đầu năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	141.206.280.000	141.206.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.607.902.500	22.001.400.000

d) Cổ phiếu	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.120.628	14.120.628
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.120.628	14.120.628
- Cổ phiếu phổ thông	*14.120.628*	*14.120.628*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	369.753	369.753
- Cổ phiếu phổ thông	*369.753*	*369.753*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.750.875	13.750.875
- Cổ phiếu phổ thông	*13.750.875*	*13.750.875*

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	5.216.164.051.234	4.938.392.949.129
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.568.186.171	18.057.688.589
Cộng	**5.230.732.237.405**	**4.956.450.637.718**

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.068.730.932.875	4.800.024.535.036
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.083.666.262	8.967.843.611
Cộng	**5.077.814.599.137**	**4.808.992.378.647**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	276.667.320	564.758.696
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.733.908.400	2.298.364.200
Lợi nhuận được chia từ hoạt động liên doanh	3.030.314.000	-
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.704.064.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	334.011.802
Cộng	**6.744.953.720**	**3.197.134.698**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.560.773.091	6.904.352.732
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	9.576.352.192	2.875.649.600
Lỗ do đầu tư chứng khoán	242.594.000	-
Chi phí tài chính khác	-	94.623.641
Cộng	**15.379.719.283**	**9.874.625.973**

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**32.699.636.220**	**31.945.535.285**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**(6.388.265.698)**	**(2.263.338.301)**
- Các khoản điều chỉnh tăng	139.850.279	35.025.899
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*139.850.279*	*35.025.899*
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.528.115.977)	(2.298.364.200)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(4.764.222.400)*	*(2.298.364.200)*
+ Điều chỉnh thu nhập đã tính thuế theo Quyết toán thuế	*(1.763.893.577)*	-
Tổng thu nhập chịu thuế	**26.311.370.522**	**29.682.196.984**
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	**7.420.549.247**	**9.905.365.471**
Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung các năm trước theo Quyết toán thuế	591.059.574	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp	**7.168.902.205**	**7.420.549.247**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.530.734.015	24.524.986.038
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	25.530.734.015	24.524.986.038
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.750.875	13.750.875
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.857**	**1.784**

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.740.987.954	13.129.802.785
Chi phí nhân công	49.628.843.611	48.024.232.228
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.766.140.761	6.046.624.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.915.352.630	38.608.702.161
Chi phí khác bằng tiền	21.160.532.708	12.105.105.347
Tổng cộng	**123.211.857.664**	**117.914.466.608**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.725.234.492.654
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	Bên liên quan	Mua hàng hóa	2.335.821.413.881

Cho đến ngày 31/12/2013, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu khí Thành phố (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Phải trả người bán	(1.090.185.000)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên (PVOIL)	Bên liên quan	Phải trả người bán	6.784.082.000

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.383.678.178	3.286.044.336

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.375.750.597	56.543.233.267	28.375.750.597	56.543.233.267
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.468.518.388	52.295.814.158	43.468.518.388	52.295.814.158
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	18.304.800.123	53.987.552.400	18.304.800.123	53.987.552.400
Cộng	**90.149.069.108**	**162.826.599.825**	**90.149.069.108**	**162.826.599.825**
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	205.900.000.000	136.600.000.000	205.900.000.000	136.600.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	10.332.265.171	88.495.004.060	10.332.265.171	88.495.004.060
Cộng	**216.232.265.171**	**225.095.004.060**	**216.232.265.171**	**225.095.004.060**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán niêm yết. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác và nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012 và vào ngày 31/12/2013.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	**214.879.840.166**	**1.352.425.005**	**216.232.265.171**
Các khoản vay	205.900.000.000	-	205.900.000.000
Phải trả người bán	2.993.323.501	-	2.993.323.501
Phải trả khác	5.986.516.665	1.352.425.005	7.338.941.670
Số đầu năm	**223.409.471.280**	**1.685.532.780**	**225.095.004.060**
Các khoản vay	136.600.000.000	-	136.600.000.000
Phải trả người bán	83.094.708.617	-	83.094.708.617
Phải trả khác	3.714.762.663	1.685.532.780	5.400.295.443

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
(đã ký)	*(đã ký)*	*(đã ký)*
Nguyễn Hữu Hoàng	**Phạm Công Quyền**	**Lê Tấn Thương**

HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO
(CỬA HÀNG XĂNG DẦU)

CHI NHÁNH	ĐỊA ĐIỂM	ĐIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
Số 01	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, Phường 1, **Quận 10, TP.HCM**	38 359 704	*
Số 03	178/9M Điện Biên Phủ, Phường 21, **Q. Bình Thạnh, TP.HCM**	38 994 332	*
Số 04	46 Lê Quang Sung, Phường 2, **Quận 6, TP.HCM**	39 693 884	*
Số 06	710 Hồng Bàng, Phường 1, **Quận 11, TP.HCM**	39 691 767	*
Số 07	49 Trường Chinh, P.12, **Q.Tân Bình, TP.HCM**	38 490 097	*
Số 08	917 Đường 3/2, Phường 7, **Quận 11, TP.HCM**	38 550 466	*
Số 09	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, **Q.Tân Bình, TP.HCM**	38 645 289	*
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, **Q.Bình Thạnh, TP.HCM**	35 114 907	**18/04/2003**
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, **Quận 6, TP.HCM**	38 756 890	*
Số 14	450 Kinh Dương Vương, An Lạc A, **Q.Bình Tân, TP.HCM**	38 750 029	*
Số 15	526 Kinh Dương Vương, An Lạc A, **Q.Bình Tân, TP.HCM**	38 750 038	*
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, **Quận 3, TP.HCM**	39 316 365	*
Số 17	70 Bạch Đằng, Phường 24, **Q.Bình Thạnh, TP.HCM**	39 854 761	*
Số 18	42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, **Quận 1, TP.HCM**	38 291 339	**15/01/2000**
Số 19	16/6 Huỳnh Tấn Phát, Phường Phú Thuận, **Quận 7, TP.HCM**	37 733 164	**20/04/2003**
Số 20	667A, Quốc lộ 1A, KP 3, Phường Linh Xuân, **Q. Thủ Đức, TP.HCM**	37 240 479	**21/08/1993**
Số 21	12A Quang Trung, Phường 8, **Q.Gò Vấp, TP.HCM**	39 968 014	**01/09/1999**
Số 22	17/5 Phan Huy Ích, Phường 14, **Q.Gò Vấp, TP.HCM**	39 873 006	**16/08/2001**
Số 23	1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Sơn Kỳ, **Q.Tân Phú, TP.HCM**	38 474 522	**15/10/2002**
Số 24	C2 KCN Đức Hoà 1 Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, **H. Đức Hòa, Tỉnh Long An**	0723 779 913	**18/02/2003**
Số 25	26 Hồ Học Lãm, Phường 16, **Quận 8, TP.HCM**	37 523 952	**10/09/2004**
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, **H.Nhà Bè , TP.HCM**	37 828 493	**16/03/2004**
Số 27	3/40G Dương Công Khi, ấp Nhị Tân 1, xã Tân Thới Nhì, **H.Hóc Môn, TP.HCM**	37 132 961	**06/11/2004**
Số 29	318 Hương lộ 80, Phường Bình Hưng Hòa B, **Q. Bình Tân, TP.HCM**	37 655 868	**27/04/2011**
Số 30	22 Hương lộ 2, xã Phước Vĩnh An, **H.Củ Chi, TP.HCM**	37 905 836	**08/06/2004**
Số 31	439 Phan Văn Trị, Phường 5, **Q.Gò Vấp, TP.HCM**	39 968 014	**10/08/2008**
Số 32	209 Lý Thường Kiệt, Phường 7, **Quận 11, TP.HCM**	39 557 925	**10/06/2005**
Số 33	836 QL 1A, ấp Ngũ Phúc, xã Hố Nai 3, **H. Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai**	0612 660 919	**25/06/2010**
Số 34	D11/6Q Quốc lộ 1A, phường Tân Tạo, **Q.Bình Tân, TP.HCM**	37 505 046	**01/02/2010**
Số 35	Km 152, Quốc lộ 20, Khu phố 1, Thị trấn Madagui, **H.Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng**	0633 946 239	**12/11/2011**
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, **Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre**	0753 545 494	**07/12/2011**
Số 37	Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, xã Tân Thành Bình, **H.Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre**	0753 670 909	**07/01/2012**
Số 38	Ấp Vĩnh Phước, xã Phước Lý, **H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An**	0723 892 959	**16/09/2011**
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, **H.Bến Lức, Tỉnh Long An**	0723 644 674	**25/04/2012**
Số 40	348A Thạch Lam, Phường Phú Thạnh, **Q.Tân Phú, TP.HCM**	39 761 217	**04/12/2012**
Số 41	456A Đại lộ Bình Dương, Khu phố Nguyễn Trãi, P. Lái Thiêu, **TX.Thuận An, Tỉnh Bình Dương**	0650 363 6691	**02/02/2013**
Số 42	Ấp Kế Mỹ, Xã Trường Bình, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0723 875 377	**25/4/2013**

TỔNG CỘNG : 37 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO.

Ghi chú : (*) : Cửa hàng Xăng dầu được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.

HỆ THỐNG ĐẠI LÝ XĂNG DẦU COMECO

(Công ty đầu tư trang trí theo thiết kế chung của COMECO)

TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ
1	DNTN TM Hải Sơn Lâm	124/9C Ung Văn Khiêm,Phường 25, **Quận Bình Thạnh, T**
2	Cty TNHH MTV Bàu Sen	Ấp 3, Bàu Sen, Phú Thạnh, **Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đ**
3	DNTN TM Quang Mẫn	256 QL13, Phường 26, **Quận Bình Thạnh, T**
4	DNTN TM An Nhơn Tây	Ấp Xóm Mới, Xã An Nhơn Tây, **Huyện Củ Chi, TI**
5	DNTN TM Thanh Quan	113 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, **Quận 3, TI**
6	CTY Mỹ Anh - Trạm XD GAS Tuyết Anh	822/1 Hương lộ 2, Bình Trị Đông A, **Quận Bình Tân, TI**
7	DNTN TM Huỳnh Khang	A7/15K Trần Đại Nghĩa, Ấp 1, Tân Kiên, **Huyện Bình Chánh, TI**
8	Cty TNHH XD Lê Tuấn Anh	344A Tân Hòa Đông, Phường Bình Trị Đông, **Quận Bình Tân, TI**
9	Cty TNHH XD Thanh Bình	948 Tân Kỳ Tân Quý, KP5, Bình Hưng Hòa, **Quận Bình Tân, TI**
10	DNTN Trang Khoa	Bến Đình, Tỉnh lộ 319, Xã Phú Đông, **Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồ**

HỆ THỐNG ĐẠI LÝ XĂNG DẦU COMECO

(Chưa trang trí theo thiết kế chung của COMECO)

TT	TÊN KHÁCH HÀNG	ĐỊA CHỈ
1	Cty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc	Lô A59/1, Đường 7, KCN Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa, **Quận Bình Tân, TI**
2	HTX Xe Du lịch & Vận tải số 4 – Trạm XD Phú Định	01 Hồ Học Lãm, Phường 16, **Quận 8, TI**
3	DNTN Nghĩa Phát	537, Lạc Long Quân, Phường 10, **Quận Tân Bình, TP.**
4	Cty Cp Cảng Tôn Thất Thuyết	42 Tôn Thất Thuyết, Phường 4, **Quận 4, TP.H**
5	DNTN Tân Vạn An	66 Ấp 3, Xã Tân Trạch, **Huyện Cần Đước, Tỉnh Lo**
6	Cty Cp Hóa chất VL Điện Tp.HCM	452 Hưng Phú, Phường 9, **Quận 8, TP**
7	DNTN TM DV Hạnh Thủy	Ấp Chánh, Xã Tân Thông Hội, **Huyện Củ Chi, TP**
8	CN DNTN TM Thanh Quan	Số 313 Ấp 5, Xã Phú An **Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền**
9	DNTN Trạm xăng dầu Ngọc Sơn A	Ấp Vĩnh Tuy, Xã Long Tân, **Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồ**
10	DNTN Trạm xăng dầu Nam Cát Tiên	150 Ấp Phú Lâm, Xã Phú Sơn, **Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồ**
11	DNTN Nguyễn Văn Sáu	Ấp 5, Xã Đức Hòa Đông, **Huyện Đức Hòa, Tỉnh L**
12	Cty TNHH MTV SX TM DV Minh Thành	2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, **Quận 01, T**
13	DNTN Nguyễn Nam	42A Trần Quốc Tuấn, Phường 01 **Quận Gò Vấp, T**
14	DNTN Xăng dầu Minh Đạt	42 Trần Quốc Tuấn, Phường 1, **Quận Gò Vấp, T**
15	DNTN TM XD Anh Thư	37/257C Phan Huy Ích, Phường 12, **Quận Gò Vấp, T**
16	DNTN SX TM Hồng Tuyết	139/1552A – 1552B Lê Đức Thọ, Phường 13, **Quận Gò Vấp, T**
17	Cty TNHH MTV Long Bảo Thiên	253 Ấp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, **Huyện Cần Đước, Tỉnh L**
18	Cty TNHH MTV Lục Kim Quân	281/41/1A Lê Văn Sỹ, Phường 01, **Quận Tân Bình, T**